

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Trương Thị Thu Hà

**HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI THEO PHÁP
LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Trương Thị Thu Hà

**HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI THEO PHÁP
LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số: 8380107

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. NGUYỄN NHƯ PHÁT

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài “Hiệu lực của thỏa thuận trọng tài theo pháp luật trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay” là công trình nghiên cứu khoa học của tôi.

Các dữ liệu nêu trong Luận văn này dựa trên các tài liệu có mức độ tin cậy cao, tính chính xác và trung thực.

Tác giả luận văn

TRƯƠNG THỊ THU HÀ

LỜI CẢM ƠN

Trước khi vào phần nội dung của luận văn, em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến các quý Thầy Cô Học viện Khoa học Xã hội nói chung, các Thầy Cô khoa luật kinh tế - Học viện Khoa học Xã hội nói riêng đã truyền đạt những kiến thức bổ ích, những kinh nghiệm quý báu cho em trong suốt thời gian học tập.

Đặc biệt, em xin gửi lời biết ơn sâu sắc đến Phó Giáo Sư – Tiến sĩ Nguyễn Như Phát, người Thầy đã trực tiếp, tận tâm hướng dẫn, giúp đỡ em rất nhiều để em có thể hoàn thành tốt luận văn này.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI.....	6
1.1. Khái niệm và bản chất pháp lý của thỏa thuận trọng tài.....	6
1.1.1. Khái niệm và nguồn gốc của thỏa thuận trọng tài	6
1.1.2. Bản chất pháp lý của thỏa thuận trọng tài	8
1.1.3. Ý nghĩa của thỏa thuận trọng tài	10
1.2. Những điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài	12
1.2.1. Tự do ý chí trong thỏa thuận trọng tài	12
1.2.2. Tính độc lập của thỏa thuận trọng tài	12
1.2.3. Hình thức của thỏa thuận trọng tài	15
1.2.4. Nội dung của thỏa thuận trọng tài.....	18
1.3. Hậu quả pháp lý của thỏa thuận trọng tài vô hiệu	20
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	22
2.1. Các qui định pháp luật về điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài	22
2.1.1. Chủ thể xác lập thỏa thuận trọng tài	22
2.1.2. Đối tượng của thỏa thuận trọng tài	23
2.1.3. Hình thức của thỏa thuận trọng tài	26
2.1.4. Ý chí tự nguyện của chủ thể.....	28
2.1.5. Vi phạm điều cấm của pháp luật	30
2.1.6. Thẩm quyền và thủ tục xem xét hiệu lực thỏa thuận trọng tài	30
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài ở Việt Nam hiện nay (thông qua một số vụ việc)	36

Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI.....	48
3.1. Nhu cầu và định hướng hoàn thiện pháp luật	48
3.1.1. <i>Nhu cầu hoàn thiện pháp luật.....</i>	48
3.1.2. <i>Định hướng hoàn thiện pháp luật.....</i>	50
3.2. Giải pháp hoàn thiện về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài	52
3.3. Nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài	58
3.3.1. <i>Đối với doanh nghiệp.....</i>	58
3.3.2. <i>Đối với các trọng tài viên và trung tâm trọng tài.....</i>	59
3.3.3. <i>Các cơ quan tố tụng và các cơ quan nhà nước khác.....</i>	60
3.3.4. <i>Những điểm cần lưu ý khi tham gia ký kết, soạn thảo thỏa thuận trọng tài.....</i>	60
KẾT LUẬN	66
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLDS	Bộ luật dân sự
BLTTDS	Bộ luật tố tụng dân sự
HĐTP	Hội đồng thẩm phán
KDTM	Kinh doanh thương mại
NQ	Nghị quyết
TTTM	Trọng tài thương mại
UNCITRAL	United Nations Commission on The international trade law (Ủy Ban Liên Hiệp Quốc về luật thương mại quốc tế)

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong quá trình hội nhập quốc tế với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường trên thế giới đã tạo điều kiện cho các quan hệ thương mại phát triển thì việc phát sinh tranh chấp giữa các chủ thể càng nhiều, với tính chất đa dạng và phức tạp càng cao trong hoạt động kinh doanh thương mại là điều không thể tránh khỏi. Để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của các bên cũng như tạo điều kiện hoạt động đồng bộ cho toàn bộ nền kinh tế, các tranh chấp đó cần được giải quyết kịp thời và đúng đắn. Vì thế, nhiều phương thức giải quyết tranh chấp ra đời mà các bên có quyền tự do lựa chọn như các bên tự thương lượng; hòa giải; trọng tài hay tòa án. Trong đó, giải quyết tranh chấp kinh tế bằng con đường trọng tài là một trong những phương thức có nhiều ưu thế và phổ biến trong nền kinh tế thị trường phát triển của nhiều nước trên thế giới.

Tuy nhiên, điều quan trọng để áp dụng trọng tài được thực hiện thì cần phải có sự thỏa thuận dựa trên cơ sở ý chí của các bên, do họ thỏa thuận lựa chọn để giải quyết các tranh chấp kinh tế của mình hay nói cách khác đó là sự nhất trí của các bên về việc đưa ra trọng tài giải quyết tranh chấp đã hoặc có thể sẽ phát sinh trong hoạt động thương mại. Điều này cũng đồng nghĩa với việc không có thỏa thuận trọng tài thì không có việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và thỏa thuận trọng tài cũng chỉ có hiệu lực không chỉ khi nhân danh ý chí tối cao của các bên mà còn phải phù hợp theo đúng qui định pháp luật. Bởi lẽ trên mà pháp luật các nước nói chung, Việt Nam nói riêng hiện nay đang dần dần nâng cao hoàn thiện các chế định pháp lý về thỏa thuận trọng tài để đảm bảo các hình thức pháp lý cũng như cơ sở pháp lý cho các bên thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ thỏa thuận của mình nhằm đạt đến việc

xác lập thỏa thuận trọng tài có hiệu lực theo đúng qui định pháp luật.

Đây cũng chính là lý do tác giả chọn đề tài “Hiệu lực của thỏa thuận trọng tài theo pháp luật trọng tài Việt Nam” làm đề tài luận văn thạc sĩ luật, với mong muốn nghiên cứu sâu bản chất pháp lý về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, qua đó tìm hiểu, so sánh và đưa ra những đánh giá, những giải pháp nhằm hoàn thiện qui định của pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại không còn là điều mới lạ đối với Việt Nam, giải quyết bằng phương thức này đang nhận được nhiều sự quan tâm đặc biệt pháp luật Việt Nam cũng như của các chủ thể kinh doanh được thể hiện rõ hơn qua nhiều văn bản pháp luật được ban hành. Chính vì vậy, có nhiều đề tài nghiên cứu về trọng tài thương mại như:

- “*Pháp luật Việt Nam về trọng tài thương mại*” của Tiến sĩ Đỗ Văn Đại và Tiến sĩ Trần Hoàng Hải năm 2012;
- “*Giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài ở Việt Nam*” Tiến sĩ Đỗ Văn Đại – Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh năm 2010;
- Số chuyên đề “*Pháp luật về trọng tài thương mại*” trên tạp chí Dân chủ và Pháp luật năm 2010 của Bộ tư pháp;
- Giáo trình Luật kinh tế, PGS.TS Phạm Duy Nghĩa – Đại học kinh tế TP.HCM năm 2011 – Nhà xuất Bản Công an Nhân dân;
- “*Trọng tài và các phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn*” Nhà xuất bản tài chính năm 2003;
- Luận văn Thạc sĩ “*Giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài bằng trọng tài thương mại Việt Nam, những vấn đề lý luận và thực tiễn*” của tác giả Vũ Thị Ngân Hà năm 2006 – Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Luận văn Thạc sĩ “*Pháp luật về thỏa thuận trọng tài thương mại ở Việt Nam*” của tác giả Đặng Thu Hằng năm 2014.

- Vũ Ánh Dương (2010), "*Thực trạng giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam*", Tài liệu Hội thảo "*Thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và cơ chế thi hành phán quyết trọng tài*", Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Dự án DANIDA tổ chức, Hà Nội.

- "*Giải quyết tranh chấp thương mại: Trọng tài là công cụ hữu hiệu*" (2010), <http://dddn.com.vn>, ngày 02/01.

- Luận văn thạc sĩ “*Hủy phán quyết của Trọng tài thương mại theo Luật trọng tài thương mại năm 2010*” của tác giả Phạm Minh;

- Luận văn thạc sĩ “*Hiệu lực của thỏa thuận trọng tài theo Luật trọng tài thương mại năm 2010*” của tác giả Nguyễn Anh Tuấn;

- Luận văn thạc sĩ: “*Giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài theo pháp luật Việt Nam hiện nay*” của tác giả Lê Thị Đào, Học viện KHXH, 2017

- Luận văn thạc sĩ: “*Hủy phán quyết trọng tài thương mại Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*”, của tác giả Đỗ Hữu Chiến, Học viện KHXH, 2017

Các tác phẩm này khi nói đến giải quyết tranh chấp bằng con đường trọng tài thương mại đều nêu lên sự cần thiết giải quyết trọng tài đó là cần có sự thỏa thuận trọng tài. Tuy nhiên, vấn đề này vẫn chưa được nghiên cứu ở mức độ chuyên sâu và điều quan trọng là chưa đề cập chi tiết những yếu tố ảnh hưởng hiệu lực của thỏa thuận trọng tài bởi đó cũng là cốt lõi quan trọng khi xác lập thỏa thuận trọng tài.

Vì lẽ trên, tác giả cho rằng cần tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn, toàn diện hơn về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trong việc thực hiện và áp dụng pháp

luật để từ đó kiến nghị những giải pháp thiết thực đối với việc hoàn thiện các qui định pháp luật về trọng tài của Việt Nam đặc biệt là tính hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là làm sáng tỏ bản chất của thỏa thuận trọng tài: những điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài và thực tiễn pháp luật Việt Nam về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trong giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng trọng tài thương mại qua đó đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các văn bản pháp luật Việt Nam; các học thuyết pháp lý cũng như những văn bản có liên quan đến hiệu lực của thỏa thuận trọng tài; thực tiễn áp dụng pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài khi giải quyết các tranh chấp bằng trọng tài ở Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là một số lý luận cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tại Việt Nam mà chủ yếu tập trung nghiên cứu về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Tác giả đã thực hiện khóa luận này trên nền tảng kết hợp các phương pháp nghiên cứu duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin. Đồng thời, sử dụng các phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp luật học so sánh và phương pháp thu thập thông tin ... để giải quyết những vấn đề mà đề tài đặt ra.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Với đề tài nghiên cứu này cho thấy luận văn chủ yếu góp phần làm rõ những vấn đề sau:

- Làm rõ vấn đề lý luận về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài nói chung và theo pháp luật Việt Nam nói riêng;
- Nêu bật những bất cập trong hoạt động giải quyết tranh chấp trọng tài cũng như thực trạng áp dụng pháp luật liên quan đến hiệu lực của thỏa thuận trọng tài ở Việt Nam;
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hiệu lực của thỏa thuận trọng tài theo pháp luật Việt Nam.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được chia thành 3 chương sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và áp dụng pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI

1.1. Khái niệm và bản chất pháp lý của thỏa thuận trọng tài

1.1.1. Khái niệm và nguồn gốc của thỏa thuận trọng tài

Luật mẫu về Trọng tài thương mại quốc tế của Ủy ban luật thương mại quốc tế về Liên hiệp quốc (sau đây gọi tắt là Luật Mẫu UNCITRAL) tại điều 7: *“Thỏa thuận trọng tài là thỏa thuận mà các bên đưa ra trọng tài tất cả hoặc một số tranh chấp phát sinh hoặc có thể phát sinh giữa các bên trong quan hệ pháp lý xác định cho dù đó có là quan hệ hợp đồng hay không. Thỏa thuận trọng tài có thể dưới hình thức điều khoản trọng tài trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thỏa thuận riêng”*.

Theo Công ước New York 1958 về công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài (sau đây gọi tắt là Công ước New York) điều 2 thể hiện khái niệm về thỏa thuận trọng tài: *“Mỗi Quốc gia thành viên sẽ công nhận một thỏa thuận bằng văn bản theo đó các bên cam kết đưa ra trọng tài xét xử mọi tranh chấp đã hoặc có thể phát sinh giữa các bên từ một quan hệ pháp lý xác định, dù là quan hệ hợp đồng hay không, liên quan đến một đối tượng có khả năng giải quyết được bằng trọng tài”*.

Luật Trọng tài thương mại 2010 (sau đây gọi tắt Luật TTTM) khoản 2 điều 3 định nghĩa: *“Thỏa thuận trọng tài là thỏa thuận giữa các bên về việc giải quyết bằng trọng tài tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh”*

Từ những định nghĩa trên cho chúng ta thấy thỏa thuận trọng tài là nền tảng của tổ tụng trọng tài thương mại, có vai trò hết sức quan trọng trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Vì vậy, các nước trên thế giới và cả Việt Nam đều ghi nhận vấn đề này rất rõ ràng cụ thể trong các văn bản pháp luật và qua

đó chúng ta có thể hiểu được khái niệm thỏa thuận trọng tài thương mại chính là sự thỏa thuận bằng văn bản, theo đó các bên tham gia ký kết thống nhất ý chí đưa một số hoặc tất cả những tranh chấp đã hoặc sẽ phát sinh từ các hoạt động kinh doanh thương mại được pháp luật cho phép giải quyết bằng phương thức trọng tài.

- Nguồn gốc của thỏa thuận trọng tài

Như đã nêu trên, trong quá trình hoạt động kinh doanh thương mại thì tranh chấp hợp đồng là một dạng tranh chấp phổ biến nhất bởi nó là những mâu thuẫn (bất đồng hay xung đột) về quyền và lợi ích kinh tế giữa các chủ thể tham gia vào các quan hệ hợp đồng phát sinh trong hoạt động kinh tế.

Khái niệm tranh chấp hợp đồng trong hoạt động thương mại được nêu trong Luật thương mại năm 1997 dường như được quan niệm đồng nhất với “tranh chấp thương mại”, bởi theo định nghĩa tại điều 238 Luật thương mại 1997 thì tranh chấp thương mại là tranh chấp phát sinh do việc thực hiện hoặc thực hiện không đúng với hợp đồng trong hoạt động thương mại.

Vì vậy, khi có tranh chấp thương mại thì các bên có quyền tự định đoạt việc tham gia tranh chấp được pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo vệ. Quyền định đoạt là cách thức giải quyết dựa trên nguyên tắc: Nhà nước không can thiệp (trừ trường hợp có đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết). Điều này có nghĩa các bên tranh chấp có thể tự chọn lựa cách thức giải quyết tranh chấp và phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là một trong các mô hình giải quyết tranh chấp phổ biến. Nhưng để chọn lựa mô hình giải quyết tranh chấp này thì cần có thỏa thuận trọng tài và sự thỏa thuận đó xuất phát từ tự do ý chí, các bên có quyền tự định đoạt quyết định đến sự chọn lựa của mình như trong quan hệ dân sự, thương mại. Theo phương thức này, các bên có quyền thỏa thuận lựa chọn và khước từ tòa án, điều đó có thể hiểu nếu không có sự lựa chọn thỏa thuận gì thì mặc nhiên tòa án có thẩm quyền. Việc

các bên có quyền khước từ tòa án hay các bên không yêu cầu tòa án mà lựa chọn trọng tài giải quyết tranh chấp của mình đó là tư tưởng của tự do ý chí luật từ các bên chọn lựa rồi ghi nhận trong hợp đồng. Thỏa thuận trọng tài được quy định là một điều khoản nằm trong hợp đồng thương mại, là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng và có thể hình thành trong quá trình giao kết hợp đồng hoặc sau khi tranh chấp diễn ra và thỏa thuận này hoàn toàn độc lập với hợp đồng. Như vậy, nguồn gốc của thỏa thuận trọng tài là từ mối quan hệ hợp đồng hay nói đúng hơn là từ hợp đồng khi có phát sinh tranh chấp trong hoạt động thương mại.

1.1.2. Bản chất pháp lý của thỏa thuận trọng tài

Tại điều 385 Bộ luật dân sự năm 2015 (viết tắt là BLDS) quy định: *“Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”* và khoản 2 điều 3 Luật trọng tài thương mại 2010: *“Thỏa thuận trọng tài là thỏa thuận giữa các bên về việc giải quyết bằng trọng tài tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh”* cho thấy hợp đồng và thỏa thuận trọng tài đều xuất phát từ yếu tố thỏa thuận của các bên tức là từ hai chủ thể trở lên chứ không phải của một cá nhân, một chủ thể. Sự thỏa thuận này đạt được giữa các bên phải trên cơ sở nguyên tắc tự do ý chí có nghĩa các bên đã có sự thống nhất ý chí. Nhưng phải chăng có sự khác biệt giữa hợp đồng và thỏa thuận trọng tài khi Bộ luật dân sự 2015 quy định nội dung sự thỏa thuận trong hợp đồng giữa các bên phải là việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự còn với thỏa thuận trọng tài thì không có quy định. Thực chất tại chương 2 Luật trọng tài thương mại 2010 với tiêu đề “Thỏa thuận trọng tài” [22, tr. 17] đã mặc nhiên cho thấy có sự xác lập quyền và nghĩa vụ trong quan hệ trọng tài và có giá trị pháp lý khi các bên đã có thỏa thuận trọng tài, đồng thời nếu có tranh chấp phát sinh thì một bên không thể yêu cầu tòa án giải quyết nếu bên kia không chấp nhận. Đây chính

là nội dung mang tính chất ràng buộc pháp lý giữa các bên mà Luật trọng tài thương mại thể hiện. Như vậy, bản chất của thỏa thuận trọng tài đó chính là hợp đồng.

Mặt khác, thỏa thuận trọng tài chính là xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp mang tính hình thức (về mặt tổ tụng), cho nên hiệu lực của thỏa thuận trọng tài không phụ thuộc vào hiệu lực của hợp đồng mà hoàn toàn độc lập với nội dung của hợp đồng thương mại. Nội dung của thỏa thuận trọng tài không giống như nội dung của hợp đồng, do đó thỏa thuận trọng tài không có mối quan hệ ràng buộc với nội dung hợp đồng. Thỏa thuận trọng tài chịu sự điều chỉnh bởi Luật trọng tài thương mại chứ không phải là Bộ luật dân sự và phải phù hợp với những điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài mà pháp luật quy định để tránh thỏa thuận trọng tài vô hiệu theo điều 18 Luật trọng tài thương mại năm 2010 [22, tr. 18-19].

Từ những phân tích trên cho thấy bản chất của thỏa thuận trọng tài chính là hợp đồng và dù nó là điều khoản của hợp đồng hay văn bản thỏa thuận riêng biệt đều có giá trị như nhau, và vì thỏa thuận trọng tài là hợp đồng cho nên thỏa thuận này luôn tồn tại độc lập, không phụ thuộc với nội dung của hợp đồng thương mại theo điều 19 Luật trọng tài thương mại 2010 [22, tr. 19].

Như vậy, Thỏa thuận trọng tài thực chất là sự thống nhất ý chí của các bên tham gia tranh chấp, theo đó, thỏa thuận trọng tài đã xác lập hình thức giải quyết tranh chấp được thực hiện duy nhất là trọng tài. Đồng thời, nó cũng loại bỏ các khả năng giải quyết tranh chấp bằng những hình thức khác, thí dụ như tòa án. Ngoài ra, thỏa thuận trọng tài còn là tiền đề pháp lý để mở thủ tục giải quyết tranh chấp tại tổ chức trọng tài, xác lập thẩm quyền của trọng tài cũng như của Hội đồng trọng tài.

Với tính là một thỏa thuận độc lập nên hiệu lực của thỏa thuận trọng tài

sẽ được xem xét theo nguyên tắc của hiệu lực hợp đồng. Theo đó, hiệu lực của thỏa thuận trọng tài không lệ thuộc vào hiệu lực của hợp đồng thương mại. Bởi lẽ, những tiêu chí để xác định tính hiệu lực hay vô hiệu của thỏa thuận trọng tài là độc lập, được quy định riêng (luật chuyên ngành) trong Luật trọng tài thương mại. Vì vậy, thỏa thuận trọng tài có thể được thiết lập bằng một văn bản riêng hoặc kể cả sau khi tranh chấp kinh doanh, thương mại đã xuất hiện.

1.1.3. Ý nghĩa của thỏa thuận trọng tài

Thỏa thuận trọng tài là vấn đề cốt lõi đóng vai trò thiết yếu trong việc giải quyết các tranh chấp phát sinh bằng trọng tài trong hoạt động kinh doanh thương mại. Điều này có nghĩa không có thỏa thuận trọng tài thì không có tổ tụng trọng tài. Do đó, thỏa thuận trọng tài mang ý nghĩa rất quan trọng:

Thứ nhất, thỏa thuận trọng tài là cơ sở để xác định thẩm quyền của trọng tài. Điều này có nghĩa khi xảy ra tranh chấp, giữa các bên có quyền thỏa thuận phương thức giải quyết bằng trọng tài hay tòa án và nếu như thỏa thuận trọng tài giải quyết thì mặc nhiên các bên gián tiếp thỏa thuận khước từ thẩm quyền xét xử của tòa án. Tuy thỏa thuận trọng tài buộc phải có sự thống nhất ý chí chọn lựa của các bên tranh chấp nhưng đó chỉ là điều kiện cần mà chưa đủ vì để thỏa thuận trọng tài có giá trị pháp lý, hiệu quả cao thì thỏa thuận đó cần tuân thủ đúng các qui định của pháp luật cùng với các điều kiện có hiệu lực khác như hình thức, nội dung ... Và khi thỏa thuận trọng tài có hiệu lực thì lúc đó trọng tài mới có thẩm quyền giải quyết tranh chấp còn tòa án phải từ chối thụ lý theo điều 6 Luật TTTM năm 2010 [22, tr. 11]. Đây cũng là điểm khác biệt giữa tòa án và trọng tài vì khi các bên không có thỏa thuận trọng tài thì tòa án có thẩm quyền giải quyết mà không cần sự thỏa thuận này và ngược lại trọng tài chỉ có thẩm quyền giải quyết khi có sự đồng ý thỏa thuận bằng trọng tài của các bên.

Thỏa thuận trọng tài còn là căn cứ chứng minh sự chọn lựa giải quyết tranh chấp của các bên là trọng tài chứ không phải là tòa án. Như vậy, mấu chốt quan trọng để trọng tài có thẩm quyền giải quyết tranh chấp thì sự thỏa thuận trọng tài phải có hiệu lực, bởi nếu không thì thỏa thuận trọng tài sẽ bị vô hiệu theo qui định tại điều 16, điều 18 LTTTM năm 2010 [22, tr. 17-19]. Điều này đồng nghĩa với những phán quyết của trọng tài trong trường hợp trên sẽ bị hủy bởi quyết định của tòa án.

Thứ hai, thỏa thuận trọng tài chính là sự ràng buộc các bên vì là sự thỏa thuận tự nguyện bằng ý chí của các bên, mong muốn chọn lựa cách giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài. Thỏa thuận trọng tài không đơn giản là bằng chứng của sự đồng ý mà còn thể hiện quyền tự do kinh doanh, quyền định đoạt của các bên tranh chấp trong quan hệ dân sự, thương mại. Nguyên tắc này được ghi nhận tại khoản 1 điều 5 Luật TTTM năm 2010: “*Tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài nếu các bên có thỏa thuận trọng tài. Thỏa thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp*”. Bên cạnh đó, việc thỏa thuận này sẽ buộc các bên thực hiện tốt nghĩa vụ trọng tài của mình, không được thay đổi thỏa thuận, không bên nào được từ bỏ việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài hay vi phạm nghĩa vụ phát sinh. Hơn nữa, nó còn là biện pháp tích cực phòng tránh những tranh chấp có thể xảy ra.

Thứ ba, quá trình giải quyết tranh chấp bằng con đường trọng tài đã hình thành việc các bên tự do thỏa thuận lựa chọn những yếu tố, những điều kiện thuận lợi cho hoạt động tổ tụng trọng tài như địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, ngôn ngữ, luật áp dụng, quyết định số lượng trọng tài viên của Hội đồng trọng tài, tiêu chí chọn trọng tài viên ... và cho việc thi hành phán quyết trọng tài được nhanh chóng, có hiệu quả nhất.

Từ những phân tích trên, cho thấy thỏa thuận trọng tài là yếu tố cơ bản nhất, không thể thiếu được đồng thời nó đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong

phương thức trọng tài. Vì vậy, để giải quyết tranh chấp bằng trọng tài có giá trị pháp lý thì thỏa thuận trọng tài cần phải có hiệu lực, nếu không mọi phán quyết của trọng tài sẽ vô hiệu hoàn toàn.

1.2. Những điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài

1.2.1. Tự do ý chí trong thỏa thuận trọng tài

Thỏa thuận trọng tài là yếu tố tiên quyết để hình thành việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Bản chất của thỏa thuận trọng tài chính là hợp đồng bởi nó thể hiện sự thống nhất ý chí, sự tự nguyện và đồng thuận của các bên tham gia tranh chấp nhằm xác lập thỏa thuận trọng tài. Trong đó, sự tự do ý chí luôn được xem là nguyên tắc cốt lõi của thỏa thuận trọng tài vì thỏa thuận này không những thể hiện quyền tự do lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp của các bên thông qua ý chí, tự nguyện mà còn về các yếu tố liên quan đến quá trình giải quyết tranh chấp như tổ chức trọng tài, hình thức trọng tài, ngôn ngữ, địa điểm ... và các nội dung khác phù hợp với lợi ích của các bên chọn lựa.

Vấn đề cần đặt ra là để thỏa thuận này có giá trị pháp lý hay nói đúng hơn là có hiệu lực pháp luật thì phải chính là kết quả của sự thống nhất ý chí giữa các chủ thể chứ không là ý chí chủ quan của một bên hay các bên bị áp đặt ý chí bởi bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào. Mọi trường hợp thỏa thuận trọng tài được xác lập trên sự lừa dối hoặc đe dọa, cưỡng ép ... thì thỏa thuận đó không có hiệu lực. Tuy nhiên, chỉ khi nào bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài vô hiệu thì thỏa thuận này mới bị vô hiệu. Tại khoản 5 điều 18 thỏa thuận trọng tài vô hiệu (Luật TTTM năm 2010) đã nêu rõ khi: *“Một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài và có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài đó vô hiệu”*.

1.2.2. Tính độc lập của thỏa thuận trọng tài

Tính độc lập của thỏa thuận trọng tài là đặc điểm cơ bản không thể thiếu trong giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài. Hầu hết các nước đều có quy định về tính độc lập giữa thỏa thuận trọng tài và hợp đồng có trong pháp luật trọng tài.

Luật trọng tài Anh điều 7 quy định: *“Tính chất độc lập của thỏa thuận trọng tài: Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, một thỏa thuận trọng tài tạo thành hoặc được dự định tạo thành của một phần thỏa thuận khác (thành văn hay không thành văn) sẽ không bị coi là không có giá trị pháp lý, không tồn tại hoặc không có hiệu lực khi thỏa thuận kia bị mất giá trị pháp lý, không tồn tại hay không có hiệu lực và vì mục đích này nó sẽ được coi như là một thỏa thuận riêng biệt”* [26, tr. 20].

Điều 19 Luật trọng tài Trung Quốc cũng quy định: *“Thỏa thuận trọng tài tồn tại độc lập. Mọi sự thay đổi, hủy bỏ, chấm dứt hoặc không có hiệu lực của hợp đồng không ảnh hưởng đến giá trị pháp lý của thỏa thuận trọng tài”* [26, tr. 20].

Luật Mẫu UNCITRAL, điều 16.1 qui định *“Hội đồng trọng tài có thể quyết định về thẩm quyền xét xử của chính mình, kể cả những ý kiến phản đối về sự tồn tại hoặc giá trị pháp lý của thỏa thuận trọng tài. Vì mục đích này, điều khoản trọng tài trở thành bộ phận của hợp đồng sẽ được coi là thỏa thuận độc lập với các điều khoản khác của hợp đồng. Quyết định của Ủy ban trọng tài về hợp đồng bị vô hiệu không làm cho điều khoản trọng tài bị vô hiệu theo”*.

Pháp luật Việt Nam tại điều 19, Luật Trọng tài Thương mại 2010 cũng khẳng định rõ về tính độc lập của thỏa thuận trọng tài: *“Thoả thuận trọng tài hoàn toàn độc lập với hợp đồng. Việc thay đổi, gia hạn, hủy bỏ hợp đồng, hợp đồng vô hiệu hoặc không thể thực hiện được không làm mất hiệu lực của thoả thuận trọng tài”*.

Như vậy, dù thỏa thuận này là một điều khoản hợp đồng hay một văn bản riêng biệt thì *thỏa thuận trọng tài luôn tồn tại độc lập với hợp đồng*. Bất kỳ sự thay đổi, gia hạn ... hay yếu tố nào làm hợp đồng vô hiệu ... đều không làm mất đi hiệu lực của điều khoản trọng tài.

Thỏa thuận trọng tài xét về bản chất là một “hợp đồng” mục đích nhằm giải quyết những tranh *chấp* giữa các bên bằng trọng tài khác với hợp đồng trong giao dịch *dân* sự, kinh doanh, thương mại đó là những thỏa thuận ký kết phát sinh nhằm điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của các bên [14, tr. 294]. Trong nội dung của thỏa thuận các bên đã tự chọn lựa và phải tự chịu trách nhiệm về những thỏa thuận của mình như phương thức giải quyết tranh chấp, địa điểm, ngôn ngữ ... Đây là những nội dung thỏa thuận riêng biệt không liên quan đến nội dung của hợp đồng tức là không có sự lệ thuộc về sự điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đó, quan hệ giữa thỏa thuận trọng tài và hợp đồng không có sự ràng buộc lẫn nhau, không cần phân biệt hợp đồng chính hay hợp đồng phụ mà chúng hoàn toàn tồn tại, độc lập với nhau.

Mặt khác, việc thay đổi, gia hạn, hủy bỏ hợp đồng, sự vô hiệu của hợp đồng không làm ảnh hưởng tới hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Hợp đồng có thể bị tuyên vô hiệu từng phần hoặc vô hiệu toàn bộ nhưng trong hai trường hợp này cũng không tự động kéo theo sự vô hiệu của điều khoản trọng tài [13, tr. 22]. Thỏa thuận trọng tài dù ở bất kỳ hình thức nào chẳng nữa thì luôn ở vị trí độc lập không liên quan, ràng buộc từ hợp đồng và được xác định thẩm quyền của trọng tài giải quyết tranh chấp từ hợp đồng đó. Như vậy, bản thân hợp đồng có thể bị vô hiệu sẽ không đồng nghĩa với việc thỏa thuận trọng tài sẽ cùng bị vô hiệu.

Ví dụ: Công ty A ký *kết* hợp đồng mua bán hàng hóa với công ty B và cùng thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, phát hiện hai bên thỏa thuận mua bán vũ khí. Việc mua bán

này vi phạm qui định pháp luật bởi vũ khí là hàng cấm. Vì vậy, hợp đồng mua bán trên bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật. Tuy nhiên, đối tượng của hợp đồng vi phạm quy định pháp luật này không phải là một trong những căn cứ làm cho thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Do vậy, thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực.

Mặt khác, nguyên nhân của hợp đồng vô hiệu và thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoàn toàn khác nhau, đều được pháp luật qui định rõ tại Bộ luật dân sự năm 2015, Luật thương mại và Luật trọng tài thương mại năm 2010. Thế nhưng, trong trường hợp căn cứ làm hợp đồng vô hiệu cũng chính là căn cứ làm thỏa thuận trọng tài vô hiệu thì thỏa thuận trọng tài sẽ vô hiệu nhưng thỏa thuận này bị vô hiệu theo Luật trọng tài thương mại [22, tr. 18-19] chứ không theo Bộ luật dân sự hay Luật thương mại.

Ví dụ: Ông Minh thuộc Công ty thiết kế AB ký kết hợp đồng dịch vụ với Công ty xây dựng Scom và cũng là người ký thỏa thuận trọng tài nhưng vì Anh Minh là người ký hợp đồng bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên sẽ làm hợp đồng dịch vụ vô hiệu theo điều 117, điều 122 Bộ luật dân sự năm 2015 [23, tr. 66-68] và thỏa thuận trọng tài được ký cũng bị vô hiệu. Tuy nhiên, thỏa thuận trọng tài bị vô hiệu theo quy định tại khoản 3 điều 18 Luật Trọng tài Thương mại 2010: *“Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự theo qui định của Bộ luật dân sự”* chứ không phải bị kéo theo vô hiệu bởi hợp đồng vô hiệu.

Qua phân tích trên nhận thấy, vấn đề này pháp luật Việt Nam cũng có những quy định tương đối thống nhất với các nước trên thế giới.

1.2.3. Hình thức của thỏa thuận trọng tài

Để thỏa thuận trọng tài có hiệu lực thì hình thức của thỏa thuận cũng là vấn đề quan trọng. Hình thức thỏa thuận trọng tài là một trong những điều kiện để bảo đảm thỏa thuận trọng tài không bị vô hiệu nên hình thức thỏa

thuận trọng tài dù ở dạng là một điều khoản trong hợp đồng hay thỏa thuận riêng biệt thì buộc phải tuân thủ theo đúng qui định pháp luật. Hình thức là sự thể hiện bên ngoài ý chí thống nhất của các bên tham gia quan hệ kinh doanh thương mại và là bằng chứng hiện hữu của thỏa thuận trọng tài.

Hiện nay, hầu hết hình thức của thỏa thuận trọng tài bằng văn bản đều được các nước trên thế giới qui định nhằm tạo thêm độ tin cậy cho các bên, là căn cứ để giải quyết tranh chấp khi phát sinh. Ngoài ra, để tránh nguy cơ vô hiệu hệ thống pháp luật còn qui định những trường hợp thỏa thuận trọng tài thông qua telegram, điện báo, telex, fax, thư điện tử hoặc trao đổi viễn thông khác ... có sự thể hiện ý chí chấp nhận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài đều được xem là hình thức văn bản.

Vấn đề này được quy định trong điều ước quốc tế, pháp luật của các nước trên thế giới. Luật Mẫu UNCITRAL, điều 7.2 qui định: *“Thỏa thuận trọng tài phải được lập thành văn bản. Thỏa thuận là văn bản nếu nó nằm trong một văn bản được các bên ký kết hoặc bằng sự trao đổi qua thư từ, telex, điện tín hoặc các hình thức trao đổi viễn thông khác...”* Bộ luật Tố tụng Dân sự hiện hành của Pháp với điều 1443 quy định rõ ràng: *“Điều khoản trọng tài vô hiệu khi không được xác lập bằng văn bản trong thỏa thuận chính thức hoặc trong tài liệu tham chiếu”*.

Đặc biệt phạm vi thỏa thuận trọng tài bằng văn bản trong Luật trọng tài của Anh năm 1996 được quy định tại điều 5 rộng hơn các nước khác [12, tr. 4].

1. Có một thỏa thuận bằng văn bản khi:

a. *Thỏa thuận được lập bằng văn bản (cho dù nó có được các bên ký hay không);*

b. *Thỏa thuận được lập bằng việc trao đổi các thông tin bằng văn bản hoặc;*

c. Thỏa thuận được chứng minh bằng văn bản

2. Nếu các bên có thỏa thuận khác không phải bằng văn bản bằng việc dẫn chiếu đến các điều khoản trong một văn bản thì coi như các bên đã có một thỏa thuận bằng văn bản

3. Một thỏa thuận được chứng minh bằng văn bản nếu thỏa thuận đó được xác lập không phải bằng văn bản nhưng được một trong các bên hoặc bên thứ ba ghi lại theo sự ủy quyền của các bên tham gia thỏa thuận

4. Việc trao đổi các văn bản nếu ý kiến trong tố tụng trọng tài hoặc tố tụng tư pháp trong đó sự tồn tại của một thỏa thuận không được xác lập bằng văn bản được một bên viện dẫn để chống lại bên kia và không bị bên kia phủ nhận trong phần trả lời của mình thì việc trao đổi đó tạo thành giữa các bên một thỏa thuận bằng văn bản có giá trị pháp lý như đã được viện dẫn.

5. Dẫn chiếu tới phần này, bất cứ cái gì được viết hoặc được lập thành văn bản bao hàm cả các hình thức ghi lại chúng bằng bất kỳ phương thức nào.

Điều 12 Luật trọng tài Ai Cập về vấn đề dân sự và thương mại ban hành kèm theo Luật số 27/1994 được quy định như sau: “*Thỏa thuận trọng tài phải thể hiện dưới hình thức văn bản, nếu không sẽ bị mất hiệu lực. Một thỏa thuận được coi là bằng văn bản nếu nó được quy định trong một tài liệu được các bên ký kết hoặc chứa đựng trong dữ liệu trao đổi bằng thư từ, điện tính hoặc các phương tiện viễn thông khác*” [2, tr. 20].

Điều 12 Luật trọng tài Oman được ban hành kèm theo Nghị định Sultani số 47/1997 quy định chế tài tương tự, trong khi Luật trọng tài Ả-rập không quy định. Một số nước Ả-rập quy định rằng hình thức văn bản được coi là một bằng chứng hiện hữu của thỏa thuận trọng tài. Một số nước khác trên thế giới không yêu cầu hình thức này. Tuy nhiên, trên thực tiễn, hình thức văn bản vẫn là một nguyên tắc [2, tr. 20].

Ngoài ra, hình thức này còn ghi nhận theo điều 25 Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa các nước và công dân của các nước khác, điều 2 khoản 1 Công ước New York 1958; Luật trọng tài Quốc tế Singapore 1994.

1.2.4. Nội dung của thỏa thuận trọng tài

Một điều khoản trọng tài trong hợp đồng hay văn bản thỏa thuận trọng tài riêng biệt để có hiệu lực không phải chỉ thỏa mãn những yêu cầu về hình thức mà còn cần bảo đảm những điều kiện về nội dung thỏa thuận trọng tài theo qui định pháp luật. Trong phương thức giải quyết bằng trọng tài nói chung hay trọng tài thương mại quốc tế thì mấu chốt quan trọng đầu tiên trong nội dung thỏa thuận là sự thống nhất lựa chọn của các bên chấp nhận giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài thì phương thức trọng tài mới được áp dụng. Khi giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, ngoài những điều khoản pháp luật qui định như xác định trình tự, thủ tục, thẩm quyền ... cụ thể là số lượng trọng tài viên trong Hội đồng trọng tài, tiêu chuẩn cụ thể của trọng tài viên, địa điểm tiến hành trọng tài, ngôn ngữ trọng tài, ... thì điều cần quan tâm đó là sự lựa chọn hình thức trọng tài nào, loại trọng tài vụ việc (Ad hoc arbitration) hay trọng tài quy chế (Institutional arbitration).

Trọng tài vụ việc là loại trọng tài được các bên lựa chọn tự nguyện thành lập, do đó để việc xét xử được thuận lợi thì các bên cần phải chú ý khi đưa những nội dung vào hợp đồng phải thật chặt chẽ, cụ thể, nhất là những tiên lượng trường hợp rủi ro có thể xảy ra và những qui định pháp luật phù hợp khi áp dụng hình thức trọng tài này.

Đối với trọng tài quy chế thì được tổ chức và hoạt động theo quy chế rõ ràng, chính tổ chức trọng tài quy chế mà các bên đã lựa chọn sẽ điều chỉnh tất cả hoạt động xét xử của trọng tài.

Vấn đề chọn luật áp dụng cho trọng tài cũng là nội dung cốt lõi, là căn cứ pháp lý không thể thiếu trong nội dung thỏa thuận trọng tài. Nó bao gồm

chọn luật để xét xử tranh chấp giữa các bên và chọn luật để áp dụng cho tổ tụng trọng tài.

Về nội dung chọn luật để xét xử khi có tranh chấp thì Công ước New York năm 1958 quy định luật áp dụng sẽ là luật do các bên thoả thuận áp dụng, nếu các bên không có thoả thuận thì luật áp dụng là pháp luật quốc gia nơi ban hành quyết định trọng tài.

Theo quy định của Luật mẫu thì Hội đồng trọng tài phải áp dụng pháp luật mà các bên lựa chọn áp dụng cho nội dung tranh chấp. Nếu các bên không lựa chọn thì Hội đồng trọng tài sẽ áp dụng luật được xác định theo nguyên tắc xung đột luật mà Hội đồng cho là phù hợp nhất [16]. Với qui định của Luật Mẫu về trường hợp các bên không lựa chọn pháp luật áp dụng mang tính mở hơn Công ước New York năm 1958 có nghĩa luật được xem xét phù hợp nhất có thể là luật quốc tịch, luật nơi cư trú, luật nơi có trụ sở kinh doanh của một trong các bên tranh chấp.

Ngoài ra, tùy việc chọn loại trọng tài mà các bên có thể chọn lựa luật áp dụng cho thủ tục trọng tài cho phù hợp với tính chất, nội dung của hợp đồng trong quá trình xét xử. Luật mẫu quy định các bên được tự do lựa chọn về thủ tục tố tụng và hội đồng trọng tài phải thực hiện thủ tục đã được các bên lựa chọn. Trường hợp Hội đồng trọng tài sẽ chọn cách thức tố tụng mà Hội đồng có thẩm quyền xét xử cho rằng là hợp lý và xác đáng nhất khi các bên không lựa chọn luật tố tụng áp dụng cho trọng tài [16].

Bên cạnh đó, còn những vấn đề khác các bên có thể đưa vào nội dung thoả thuận khi nhận thấy có liên quan, phù hợp với tính chất, nội dung của tranh chấp, với hoàn cảnh cụ thể và yêu cầu của các bên khi những mâu thuẫn phát sinh có liên quan đến hợp đồng chính nhằm để tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện xét xử chính xác.

Như vậy, việc xác lập nội dung thoả thuận trọng tài thực chất là tùy

thuộc ý chí độc lập, sự tự nguyện của các bên sao cho bảo đảm quyền và lợi ích của họ mà không phụ thuộc vào pháp luật. Một thỏa thuận trọng tài chỉ có giá trị pháp lý khi đáp ứng được những yêu cầu của pháp luật về nội dung.

1.3. Hậu quả pháp lý của thỏa thuận trọng tài vô hiệu

Thỏa thuận trọng tài chính là sự đồng nhất ý chí thỏa thuận cùng giải quyết tranh chấp bằng trọng tài khi có tranh chấp phát sinh. Vì thế, khi thỏa thuận trọng tài vô hiệu thì đương nhiên vụ việc đó sẽ không thuộc thẩm quyền của trọng tài. Nhiều lý do khác nhau dẫn đến thỏa thuận trọng tài vô hiệu như hình thức, nội dung ... nhưng còn tùy thuộc vào mỗi thời điểm khi phát hiện trọng tài vô hiệu có thể dẫn đến những hậu quả pháp lý khác nhau.

Khi tranh chấp xảy ra, các tổ chức trọng tài cần thận trọng xem xét thụ lý đơn kiện của các bên tham gia và nếu phát hiện có căn cứ cho rằng thỏa thuận trọng tài vô hiệu thì phải từ chối không được thụ lý và lúc này mặc nhiên tòa án có thẩm quyền hoàn toàn giải quyết vụ việc tranh chấp đó. Đây là trường hợp ngoại lệ mà trên thực tế đã xảy ra vì vậy để giải quyết vấn đề này điều 6 Luật TTTM có quy định: *“Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được”*.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài, việc xem xét hiệu lực của thỏa thuận trọng tài cũng như xem xét thẩm quyền giải quyết của Hội đồng trọng tài là điều cần thiết trước khi xem xét nội dung vụ tranh chấp. Nếu thỏa thuận trọng tài vô hiệu thì Hội đồng trọng tài ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ việc và thông báo ngay cho các bên biết (khoản 1 điều 43 Luật TTTM). Lúc này, các bên tranh chấp có thể khởi kiện vụ việc ra tòa án có thẩm quyền xem xét lại quyết định của Hội đồng trọng tài trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định và thông báo việc khiếu

nại cho Hội đồng trọng tài (khoản 1 điều 44 LTTTM). Những qui định trên của Luật trọng tài thương mại năm 2010 đã mở rộng hơn Pháp lệnh trọng tài (điều 30 Pháp lệnh trọng tài thương mại) nhằm giúp các bên không mất nhiều thời gian trong việc giải quyết, trọng tài giải quyết tranh chấp đúng thẩm quyền và không để thỏa thuận trọng tài vô hiệu bị hủy bởi tòa án.

Sau khi Hội đồng trọng tài đã giải quyết vụ tranh chấp và ra phán quyết cuối cùng, nếu một trong các bên có yêu cầu tòa án xem xét hủy phán quyết trọng tài theo quy định điểm a khoản 2 điều 68 LTTTM:

Phán quyết trọng tài bị hủy nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu;

thì các bên gửi đơn đến tòa án cấp tỉnh nơi Hội đồng trọng tài ra quyết định trọng tài. Trong quá trình xem xét đơn yêu cầu hủy phán quyết thỏa thuận trọng tài nếu thỏa thuận trọng tài bị vô hiệu thì tòa án ra quyết định hủy phán quyết trọng tài. Trường hợp các bên không xác lập được một thỏa thuận trọng tài khác có hiệu lực thì một bên có quyền đưa vụ tranh chấp đó ra tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Kết luận chương 1

Trong hoạt động kinh doanh thương mại để giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài cần thiết phải có thỏa thuận trọng tài mà chủ yếu là hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Nó thể hiện bằng những điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài và các điều kiện này bao gồm nội dung, hình thức lẫn thẩm quyền giải quyết của trọng tài. Và nếu thỏa thuận trọng tài không thực hiện theo đúng qui định pháp luật về điều kiện có hiệu lực thì thỏa thuận trọng tài sẽ bị vô hiệu và khi đó dẫn đến hậu quả pháp lý của thỏa thuận trọng tài vô hiệu đó chính là tòa án có toàn quyền giải quyết vụ tranh chấp nếu các bên không có thỏa thuận mới.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Các qui định pháp luật về điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài

2.1.1. Chủ thể xác lập thỏa thuận trọng tài

Dù các điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài không được qui định trong Luật TTTM năm 2010 nhưng xét về bản chất thì thỏa thuận trọng tài là một giao dịch dân sự. Khoản 3 điều 18 LTTTM quy định: “*Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự*” thì thỏa thuận trọng tài sẽ vô hiệu đồng nghĩa với việc để thỏa thuận trọng tài có hiệu lực cần phải đáp ứng được điều kiện người tham gia ký kết thỏa thuận trọng tài có năng lực hành vi dân sự, do đó chủ thể tham gia ký kết thỏa thuận trọng tài rất quan trọng không phải bất cứ ai cũng ký kết thỏa thuận trọng tài. Người xác lập hay chủ thể xác lập là: cá nhân, pháp nhân và quốc gia (hoặc các cơ quan nhà nước), đối với mỗi loại chủ thể pháp luật các nước đều có những quy định về cách xác định luật áp dụng riêng. Với cá nhân, pháp nhân mà cá nhân đại diện cho pháp nhân đó trực tiếp ký thỏa thuận trọng tài phải là người có năng lực hành vi dân sự.

Đối với cá nhân, pháp luật quy định bao gồm năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự. Hai năng lực này không xuất hiện song song cùng thời điểm, với năng lực pháp luật dân sự thì mọi cá nhân đều có như nhau và đã có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết còn năng lực hành vi dân sự lại là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền nghĩa vụ dân sự [23, tr. 13-14] chứ không phải tất cả mọi người đều có cho nên Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định những trường hợp

như người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện là người không có năng lực hành vi dân sự và những thỏa thuận trọng tài do họ xác lập sẽ bị vô hiệu. Tuy nhiên, để chứng minh người ký thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự thì phải có giấy tờ tài liệu chứng minh ngày tháng năm sinh hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định của Tòa án xác định tuyên bố người đó mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo khoản 3 điều 3 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP [11].

Đối với pháp nhân được xem như chủ thể xác lập nên khi ký thỏa thuận trọng tài cũng có năng lực pháp luật và năng lực hành vi. Thế nhưng khác với chủ thể là cá nhân thì chủ thể này được phát sinh từ thời điểm thành lập và chỉ chấm dứt kể từ thời điểm chấm dứt pháp nhân (điều 86 BLDS 2015) và do đặc điểm của pháp nhân phải thông qua người đại diện hợp pháp khi tham gia vào quan hệ pháp luật này nên khi xem xét năng lực hành vi dân sự của chủ thể phải căn cứ vào năng lực chủ thể của cả pháp nhân và cá nhân là người đại diện hợp pháp của pháp nhân. Nếu người đại diện không có năng lực hành vi dân sự thì thỏa thuận trọng tài sẽ bị vô hiệu. Mặt khác, ngoài quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp có thể có quy định về vấn đề này nếu trong Điều lệ đó không cho phép giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thì như thế, doanh nghiệp cũng không có năng lực hành vi này đồng nghĩa với hậu quả là thỏa thuận trọng tài cũng sẽ bị vô hiệu.

2.1.2. Đối tượng của thỏa thuận trọng tài

Trong hoạt động kinh doanh thương mại giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là sự tự do ý chí thỏa thuận của các bên, không bị ràng buộc bởi nguyên nhân nào. Phương thức giải quyết này không mang tính quyền lực nhà nước, không nằm trong hệ thống xét xử của nhà nước thế nên thẩm quyền của trọng tài có hạn chế hơn so với tòa án và đặc biệt không phải bắt kỳ tranh

chấp nào trọng tài cũng đều có quyền giải quyết mà chỉ được giải quyết những tranh chấp thuộc phạm vi của họ theo pháp luật quy định. Do đó, những tranh chấp không thuộc thẩm quyền của trọng tài là sẽ làm thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Vì vậy, đối tượng của thỏa thuận trọng tài có ý nghĩa không kém phần quan trọng trong thỏa thuận trọng tài, nó là một trong những điều kiện để thỏa thuận trọng tài có hiệu lực pháp luật.

Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003 đã quy định đối tượng của thỏa thuận trọng tài là những tranh chấp trong hoạt động thương mại với định nghĩa về thỏa thuận trọng tài tại khoản 2 điều 2 và cũng khẳng định khi tranh chấp phát sinh không thuộc hoạt động thương mại thì thỏa thuận trọng tài sẽ vô hiệu theo khoản 1 điều 10 Pháp lệnh trọng tài thương mại. 2003. Bên cạnh đó, để cụ thể hóa các hoạt động thương mại Pháp lệnh còn quy định: “*Hoạt động thương mại là việc thực hiện một hay nhiều hành vi thương mại của cá nhân, tổ chức kinh doanh bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; phân phối; đại diện, đại lý thương mại; ký gửi; thuê; cho thuê; thuê mua; xây dựng; tư vấn; kỹ thuật; li – xăng; đầu tư; tài chính, ngân hàng; bảo hiểm; thăm dò; khai thác; vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường hàng không đường biển, đường sắt, đường bộ và các hành vi thương mại khác theo quy định của pháp luật*”. Tại thời điểm này, những văn bản pháp luật có liên quan cũng đưa ra những quy định như thế nào là hành vi thương mại như điều 3 Luật thương mại 2005: “*Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác*”. Chiếu theo những quy định về những hoạt động thương mại mà Pháp lệnh trọng tài 2003 đã liệt kê thì không bao gồm những hoạt động thương mại được quy định trong Luật thương mại, vậy phải chăng có sự khác biệt, mâu thuẫn, chồng chéo lẫn nhau. Thực tế cho thấy những quy định về hoạt động thương mại của

Pháp lệnh trọng tài bao quát hơn vì vậy dù các hành vi thương mại của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác không có trong phần liệt kê như Luật thương mại, Luật đầu tư ... thì khi pháp sinh tranh chấp vẫn thuộc phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh, vẫn có thể giải quyết bằng con đường trọng tài bởi đó chính là nội dung *“các hành vi thương mại khác theo quy định của pháp luật”* được quy định trong Pháp lệnh. Điều này có nghĩa khái niệm hoạt động thương mại quy định trong Pháp lệnh trọng tài có nội hàm rộng hơn trong Luật thương mại [22]. Và nếu so với Luật thương mại năm 1997 với qui định 14 hành vi thương mại tại điều 45 thì rõ ràng đã làm hạn chế phạm vi hoạt động thương mại hơn Pháp lệnh khi giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

Tuy Pháp lệnh trọng tài đã đưa ra khái niệm hoạt động thương mại dựa trên các quy định của Luật Mẫu UNCITRAL: *“Thuật ngữ “thương mại” cần được giải thích theo nghĩa rộng liên quan đến tất cả các vấn đề phát sinh từ các quan hệ có bản chất thương mại, dù là quan hệ hợp đồng hoặc không phải là quan hệ hợp đồng. Những quan hệ có bản chất thương mại bao gồm, nhưng không giới hạn bởi các giao dịch sau: giao dịch thương mại để cung cấp hoặc trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ; thỏa thuận phân phối, đại diện hoặc đại lý thương mại; hoa hồng; thuê mua; xây dựng công trình; tư vấn; kỹ thuật; li-xăng; đầu tư; tài chính; ngân hàng; bảo hiểm; thỏa thuận thăm dò hoặc khai thác; liên doanh và các hình thức hợp tác công nghiệp hoặc kinh doanh khác; vận tải hàng hóa hoặc hành khách bằng đường hàng không; đường biển; đường sắt hoặc đường bộ”*, với phạm vi hoạt động rộng và cụ thể ... nhưng bên cạnh đó Pháp lệnh còn bộc lộ những khiếm khuyết trong thực tiễn áp dụng thi hành như thẩm quyền trọng tài bị giới hạn đồng thời ngay cả chủ thể các bên tham gia tranh chấp cũng bị hạn chế làm cho việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài gặp nhiều khó khăn trong quá trình áp dụng. Chính vì vậy, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế mà Việt Nam là thành

viên, Luật trọng tài thương mại năm 2010 ra đời với nội dung qui định mở rộng hơn nhưng chặt chẽ, rõ ràng mục đích bảo đảm các qui định pháp luật trọng tài luôn phù hợp với các điều ước quốc tế thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế trong nước và quốc tế, cụ thể là đối tượng thỏa thuận trọng tài quy định tại điều 2 Luật trọng tài:

- 1. Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại.*
- 2. Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại.*
- 3. Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài.*

Và đặc biệt quy định này đã mở rộng phạm vi thẩm quyền của trọng tài, của các chủ thể tham gia, phạm vi giải quyết tranh chấp. Đối với các tranh chấp không phát sinh từ hoạt động thương mại nhưng được pháp luật quy định được giải quyết bằng thương mại và được các bên tự nguyện thỏa thuận đồng ý tham gia cũng cho phép trọng tài có thẩm quyền giải quyết.

2.1.3. Hình thức của thỏa thuận trọng tài

Như phần 1.2.3 nêu trên pháp luật trọng tài các nước nhìn chung đều quy định thỏa thuận trọng tài phải được lập bằng văn bản. Quy định này đã trở thành thông lệ trọng tài thương mại thế giới bởi đó chính là một trong những điều kiện để thỏa thuận trọng tài có hiệu lực, có nghĩa nếu hình thức không phù hợp quy định pháp luật thì đương nhiên thỏa thuận trọng tài sẽ bị vô hiệu ngay từ lúc đầu mà không cần xét đến nội dung.

Pháp luật Việt Nam cũng theo xu hướng chung như trên cụ thể Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003 cũng đã quy định: “*Thỏa thuận trọng tài phải được lập bằng văn bản. Thỏa thuận trọng tài thông qua thư, điện báo, fax, thư điện tử hoặc hình thức văn bản khác thể hiện rõ ý chí của các bên giải quyết vụ tranh chấp bằng trọng tài được coi là thỏa thuận trọng tài bằng*

văn bản” (khoản 1, điều 9). Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng đã gặp những vướng mắc, khó khăn bởi qui định này bị hạn chế về các hình thức văn bản và bốn từ “hình thức văn bản” khác thể hiện rõ ý chí của các bên giải quyết tranh chấp bằng trọng tài được sử dụng một cách mơ hồ, không rõ ràng dẫn đến tình trạng nhiều cách hiểu khác nhau cùng với nhiều cách giải quyết khác nhau, không đồng nhất.

Bởi lý do trên, Luật trọng tài thương mại năm 2010 ra đời trong thời điểm nền kinh tế thị trường nước ta ngày càng phát triển và sau khi kế thừa Luật Mẫu, tham khảo, tiếp thu luật trọng tài của các nước, LTTTM đã mở rộng những quy định về hình thức của thỏa thuận trọng tài bằng văn bản bao gồm:

“1. Thỏa thuận trọng tài phải được xác lập dưới dạng văn bản. Các hình thức thỏa thuận sau đây cũng được coi là xác lập dưới dạng văn bản:

a) Thỏa thuận được xác lập qua trao đổi giữa các bên bằng telegram, fax, telex, thư điện tử và các hình thức khác theo quy định của pháp luật;

b) Thỏa thuận được xác lập thông qua trao đổi thông tin bằng văn bản giữa các bên;

c) Thỏa thuận được luật sư, công chứng viên hoặc tổ chức có thẩm quyền ghi chép lại bằng văn bản theo yêu cầu của các bên;

d) Trong giao dịch các bên có dẫn chiếu đến một văn bản có thể hiện thỏa thuận trọng tài như hợp đồng, chứng từ, điều lệ công ty và những tài liệu tương tự khác;

đ) Qua trao đổi về đơn kiện và bản tự bảo vệ mà trong đó thể hiện sự tồn tại của thỏa thuận do một bên đưa ra và bên kia không phủ nhận.

Sự đa dạng hóa các hình thức này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các bên tự do chọn lựa trọng tài giải quyết, tạo điều kiện cho hoạt động trọng tài cũng như nâng cao tầm quan trọng của thỏa thuận trọng tài và qua đó làm

giảm thiểu những tranh chấp về hình thức của thỏa thuận trọng tài.

Mặt khác, tại khoản 1 điều 16 Luật TTTM thỏa thuận trọng tài còn ghi nhận hai hình thức xác lập thỏa thuận trọng tài đó là điều khoản trọng tài trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thỏa thuận trọng tài riêng biệt.

Ngay từ ban đầu xác lập mối quan hệ giao dịch thương mại, các bên có quyền thỏa thuận việc giải quyết tranh chấp phát sinh bằng phương thức trọng tài và sự thỏa thuận này được ghi nhận như một điều khoản nằm phần cuối trong hợp đồng kinh doanh thương mại của các bên. Và cũng do quan điểm chủ quan nghĩ rằng sẽ không bên nào mong muốn xảy ra tranh chấp cho nên điều khoản thỏa thuận trọng tài trong hợp đồng thường ngắn hơn chỉ mang ý nghĩa tượng trưng cho đầy đủ nội dung của hợp đồng cũng như sự tiên lượng trước vấn đề tranh chấp. Ngoài ra, các bên có thể sử dụng các điều khoản trọng tài mẫu của các tổ chức trọng tài đưa vào hợp đồng tránh sai sót không đáng có làm thỏa thuận trọng tài bị vô hiệu.

Đối với trường hợp thỏa thuận trọng tài được thực hiện dưới hình thức thỏa thuận trọng tài riêng biệt hay còn gọi là thỏa ước trọng tài [25, tr.16] các bên có thể xác lập trước hoặc sau khi có tranh chấp. Thỏa thuận riêng này cũng phải thể hiện dưới hình thức là văn bản theo đúng quy định pháp luật và là một phần không thể tách rời với hợp đồng. Vì thế, nội dung loại thỏa thuận riêng luôn được quy định chi tiết, cụ thể, chính xác, đầy đủ. Thế nhưng, thực tiễn cho thấy sau khi xảy ra tranh chấp để các bên có thể cùng nhau thỏa thuận chọn lựa phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là điều rất khó, tính khả thi không cao. Lúc này, hầu như vụ việc được giải quyết bằng con đường tòa án. Do vậy, tốt nhất là các bên nên xác lập thỏa thuận trọng tài riêng trước khi có tranh chấp

2.1.4. Ý chí tự nguyện của chủ thể

Thỏa thuận trọng tài là một dạng của hợp đồng được thiết lập dựa trên

sự thống nhất ý chí của các bên khi chọn lựa cơ quan giải quyết tranh chấp. Để đạt được sự thỏa thuận giữa các bên thì cần đòi hỏi cả quá trình từ đàm phán đến thỏa thuận. Xuyên suốt cả quá trình này điều quan trọng nhất vẫn chính là sự tự nguyện của các bên. Vì vậy, cơ sở thỏa thuận tự nguyện thể hiện sự đồng nhất ý chí của các bên là đặc điểm rất đặc trưng ảnh hưởng đến thỏa thuận trọng tài, do đó nếu ý chí được thống nhất mà không dựa trên yếu tố tự nguyện thì sẽ không có sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài. Khi các bên đã tự nguyện chọn lựa xác lập thỏa thuận trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp thì cần phải có trách nhiệm thực hiện đúng với sự lựa chọn này không những từ mặt hình thức đến nội dung như lựa chọn trọng tài, trung tâm trọng tài, địa điểm, ngôn ngữ ... mà còn đến việc thi hành quyết định trọng tài sau khi đã giải quyết tranh chấp.

Pháp luật qui định tính tự nguyện của các bên khi xác lập thỏa thuận trọng tài là một trong những nội dung mang tính chất quyết định làm ảnh hưởng đến hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Luật trọng tài thương mại 2010 đã quy định một trong những trường hợp làm cho thỏa thuận trọng tài vô hiệu: *“Một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài và có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài đó vô hiệu”* (khoản 5 điều 18). Như vậy, khi xác lập thỏa thuận trọng tài thì ý chí của các bên phải hoàn toàn tự nguyện không bên nào bị lừa dối hoặc đe dọa, cưỡng ép. Bất kỳ sự đe dọa, lừa dối hoặc bị tác động, áp đặt ý chí của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào sẽ làm thỏa thuận trọng tài không có giá trị pháp lý. Tuy nhiên, theo quy định trên để thỏa thuận trọng tài vô hiệu cần hội đủ 2 điều kiện đó là ngoài việc các bên phải chứng minh mình bị lừa dối, đe dọa thì các bên cần có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài đó vô hiệu. Điều đó có nghĩa trong trường hợp nếu một bên phát hiện bị lừa dối, đe dọa nhưng sau đó vẫn chấp nhận thỏa thuận trọng tài thì thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực pháp

luật.

2.1.5. Vi phạm điều cấm của pháp luật

Đây là điều khoản mới được quy định tại khoản 6 điều 18 LTTTM về điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài: “*Thỏa thuận trọng tài vi phạm điều cấm của pháp luật*”. Thực tế việc thay đổi, bổ sung trường hợp này vào LTTTM là một bước tiến bộ cần thiết phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS năm 2015) bởi như đã nêu trên thỏa thuận trọng tài bản chất là hợp đồng vì vậy nó phải chịu sự điều chỉnh theo đúng những quy định của BLDS, tức là trường hợp vi phạm điều cấm của pháp luật là một trong những trường hợp làm hợp đồng vô hiệu. Và tại điều 123 BLDS năm 2015 cũng đã đưa ra khái niệm “*Điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định*” mà trước đó Pháp lệnh trọng tài năm 2003 đã không đề cập đến.

Tuy nhiên, “về khái niệm điều cấm của pháp luật có nhiều cách hiểu khác nhau. Có ý kiến cho rằng, đó phải là các quy định cấm của pháp luật, chính xác hơn là những quy định cấm được ghi nhận trong các văn bản luật. Cách khác lại hiểu pháp luật theo nghĩa rộng hơn, bao gồm toàn bộ các quy định của pháp luật, cả thông lệ, tập quán, của các văn bản hướng dẫn, kể cả các văn bản của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế. Trong trường hợp này bất cứ vi phạm quy định cấm nào của các văn bản trên cùng sẽ đưa đến sự vô hiệu của hợp đồng” [9, tr. 315].

Do quy định về điều cấm quá rộng, không cụ thể, rõ ràng dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau tạo khe hở pháp luật dẫn đến việc yêu cầu hủy quyết định trọng tài vô tội vạ, gây khó khăn trong việc áp dụng pháp luật.

2.1.6. Thẩm quyền và thủ tục xem xét hiệu lực thỏa thuận trọng tài

Theo quy định pháp luật, trọng tài chỉ có thẩm quyền xét xử nếu các bên tồn tại một thỏa thuận chọn trọng tài cụ thể, rõ ràng để giải quyết tranh

chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, dù chính bản thân các bên bên tự nguyện thống nhất ý chí ký kết thỏa thuận trọng tài nhưng họ không phải là người tự mình quyết định về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.

Điều 16.1 Luật mẫu quy định về thẩm quyền của Ủy ban trọng tài: “*Ủy ban trọng tài có thể quyết định về thẩm quyền xét xử của chính mình kể cả những ý kiến phản đối về sự tồn tại hoặc giá trị pháp lý của thỏa thuận trọng tài*”. Như vậy, Ủy ban trọng tài sau khi thành lập có quyền quyết định về phạm vi thẩm quyền xét xử của chính mình trong đó có cả thẩm quyền xem xét về sự tồn tại và hiệu lực pháp lý của thỏa thuận trọng tài.

Pháp luật Việt Nam cũng quy định một cách cụ thể hơn về thẩm quyền xem xét và quyết định về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài tại điều 43 Luật trọng tài thương mại 2010 gồm Hội đồng trọng tài do các bên thành lập và Tòa án nhân dân.

- Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài do các bên thành lập (kể cả trọng tài vụ việc và trọng tài quy chế):

Trước đó, Hội đồng trọng tài trong Pháp lệnh trọng tài năm 2003 chỉ có thẩm quyền xem xét và quyết định về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài khi một trong các bên có đơn khiếu nại (khoản 1 điều 30 Pháp lệnh trọng tài thương mại).

Năm 2010, Luật trọng tài thương mại ra đời có sự tiến bộ hơn Pháp lệnh trọng tài về quyền xác định thẩm quyền của trọng tài: Trước khi xem xét nội dung vụ tranh chấp không cần các bên có đơn khiếu nại Hội đồng trọng tài phải xem xét hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài có thực hiện được hay không (khoản 1 điều 43 LTTTM năm 2010). Đây là quy định bắt buộc Hội đồng trọng tài phải xem xét hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trước khi giải quyết phần nội dung của thỏa thuận. Mục đích nhằm bảo đảm

việc thực hiện thỏa thuận trọng tài, tránh mất thời gian, công sức của các bên.

Ngoài ra, phạm vi thẩm quyền xem xét của Hội đồng trọng tài cũng được mở rộng bằng quy định bổ sung đó là thẩm quyền xem xét thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được hay không. Trường hợp thỏa thuận trọng tài không bị vô hiệu thì Hội đồng trọng tài tiếp tục giải quyết tranh chấp. Trường hợp thỏa thuận trọng tài bị vô hiệu hoặc không thể thực hiện được thì Hội đồng trọng tài phải đình chỉ việc giải quyết tranh chấp và thông báo ngay cho các bên biết (khoản 1 điều 43 Luật trọng tài 2010).

Trên thực tế, có những trường hợp thỏa thuận trọng tài có hiệu lực theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không giải quyết được bằng trọng tài. Ví dụ: Có một số điều khoản trọng tài quy định như sau: “Trong trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế A và Tòa án Trọng tài Quốc tế B” v.v... Đối với những trường hợp này, nếu tòa án quyết định thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được, Hội đồng trọng tài ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp

- Thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc xem xét hiệu lực của thỏa thuận trọng tài:

Luật mẫu quy định tòa án có thẩm quyền bác phán quyết của trọng tài trong các trường hợp quy định tại điều 34.2 khi các bên có yêu cầu:

“Một phán quyết chỉ có thể bị tòa án theo quy định tại điều 6 hủy bỏ trong trường hợp:

a) Bên làm đơn yêu cầu đưa ra những bằng chứng khẳng định rằng:

a.1. Một trong các bên ký kết thỏa thuận trọng tài theo quy định tại Điều 7 không đủ năng lực ký kết thỏa thuận đó; hoặc thỏa thuận nói trên không có giá trị pháp lý theo luật mà các bên đã chọn để áp dụng hoặc theo luật của nước nơi phán quyết được tuyên trong trường hợp mà các bên không ghi rõ; hoặc

a.2. Bên phải thi hành phán quyết không được thông báo một cách đầy đủ về việc chỉ định trọng tài viên hoặc tổ tụng trọng tài hoặc nói cách khác không thể thực hiện việc tranh tụng của mình; hoặc

a.3. Phán quyết giải quyết tranh chấp không được qui định hoặc không nằm trong phạm vi các Điều khoản của thỏa thuận đưa ra trọng tài giải quyết, hoặc phán quyết này bao gồm những quyết định về các vấn đề vượt quá phạm vi của thỏa thuận trọng tài giải quyết với Điều kiện là những quyết định về các vấn đề đưa ra trọng tài giải quyết có thể tách ra khỏi những vấn đề không được đưa ra trọng tài và chỉ có phần của phán quyết chứa đựng các quyết định về vấn đề không được nêu ra trọng tài giải quyết có thể bị hủy bỏ; hoặc

a.4. Thành phần của ủy ban trọng tài hoặc tổ tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận giữa các bên trừ trường hợp thỏa thuận này trái với Điều khoản trong luật này mà các bên không thể vi phạm được, hoặc nếu không có thỏa thuận đó, không phù hợp với luật này; hoặc

b) Tòa án phát hiện rằng:

b.1. Theo luật của nước đó, vấn đề nội dung tranh chấp không thể giải quyết bằng trọng tài được; hoặc

b.2. Phán quyết mâu thuẫn với chính sách công của quốc gia đó.

Còn theo quy định Luật trọng tài thương mại 2010 thì tòa án nhân dân xem xét và quyết định về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trong các trường hợp sau:

- Khi một trong các bên tranh chấp có đơn yêu cầu tòa án xem xét lại quyết định của Hội đồng trọng tài liên quan đến việc xem xét hiệu lực của thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, Chánh án tòa án có thẩm quyền sẽ phân công cho một thẩm phán xem xét, giải quyết

đơn khiếu nại. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét, quyết định. Quyết định của tòa án là cuối cùng (điều 44, Luật trọng tài thương mại 2010).

- Trường hợp có đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài thì tòa án phải xem xét đơn yêu cầu và nếu nhận thấy có căn cứ cho rằng thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc không vô hiệu thì tòa án có thể ra quyết định hủy hoặc không hủy phán quyết trọng tài. Như vậy, tòa án có thẩm quyền nhận định và khẳng định về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài (điều 68, Luật trọng tài thương mại 2010). Để bảo đảm thời hạn cho bên yêu cầu hủy tại điều 69 Luật trọng tài thương mại quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài thì bên yêu cầu hủy có quyền làm đơn sau khi có đủ cơ sở chứng minh được Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết trọng tài vô hiệu và đơn yêu cầu này phải đính kèm hồ sơ, tài liệu ... chứng minh. Nội dung đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài cũng phải đúng theo quy định pháp luật như ngày tháng năm làm đơn, tên và địa chỉ của bên có yêu cầu, yêu cầu và căn cứ hủy phán quyết trọng tài ... (điều 70 Luật trọng tài thương mại 2010).

Theo điều 71 Luật trọng tài thương mại thì kể từ ngày thụ lý trong thời hạn 07 ngày làm việc, Chánh án tòa án chỉ định một Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm ba thẩm phán, trong đó có một thẩm phán làm chủ tọa theo sự phân công của Chánh án tòa án. Tuy nhiên, trước đó tòa án có thẩm quyền sau khi thụ lý đơn yêu cầu hủy phải thông báo ngay cho Trung tâm trọng tài hoặc có Trọng tài viên của Hội đồng trọng tài vụ việc, các bên tranh chấp và Viện kiểm sát cùng cấp biết.

Kể từ ngày được chỉ định Hội đồng xét đơn yêu cầu phải mở phiên họp để xét đơn yêu cầu hủy phán trong thời hạn 30 ngày. Và để Viện kiểm sát cùng cấp có thời gian nghiên cứu hồ sơ trong thời hạn 07 ngày làm việc trước ngày mở phiên họp để tham dự phiên họp của tòa án xét đơn thì tòa án phải

chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát.

Phiên họp diễn ra với đầy đủ các thành phần như các bên tranh chấp, luật sư nếu có, kiểm sát viên cùng cấp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, tòa án gửi quyết định cho các bên, Trung tâm trọng tài hoặc Trọng tài viên Trọng tài vụ việc và Viện kiểm sát cùng cấp. Đồng thời, tạo điều kiện cho Hội đồng trọng tài khắc phục sai sót tổ tụng trọng tài theo quan điểm của Hội đồng trọng tài nhằm loại bỏ căn cứ hủy bỏ phán quyết trọng tài. Hội đồng trọng tài phải thông báo cho tòa án biết về việc này. Hội đồng tiếp tục xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài khi Hội đồng trọng tài không tiến hành khắc phục sai sót tổ tụng. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành.

- Liên quan đến việc giải quyết khiếu nại về thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được khi có một bên tranh chấp có đơn yêu cầu tòa án xem xét lại quyết định của Hội đồng trọng tài được quy định trong điều 6 Luật trọng tài thương mại nhằm mục đích tạo điều kiện cho trọng tài được phát triển vì Tòa án sẽ không can thiệp vào vụ việc nếu như các bên đã có thỏa thuận trọng tài, mặt khác hỗ trợ nếu như thỏa thuận trọng tài đó có sai sót khiến cho thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được. Đây là điểm mới mà Pháp lệnh trọng tài 2003 đã không ghi nhận, mặc dù trước đó Luật mẫu UNCITRAL và pháp luật trọng tài các nước đều quy định rất rõ về vấn đề này. Cụ thể: *“Tòa án, nơi có khiếu kiện về vấn đề đối tượng của thỏa thuận được đưa ra, nếu một bên yêu cầu trước khi nộp bản giải trình đầu tiên của mình về nội dung tranh chấp, sẽ chuyển tranh chấp ra trọng tài trừ khi thấy rằng thỏa thuận trọng tài vô hiệu, không có hiệu lực hoặc không thể thực hiện được”* [16].

Điều 2.3 Công ước New – York 1958 quy định: *“Tòa án của một quốc gia thành viên, khi nhận được một đơn kiện về một vấn đề mà vấn đề đó các bên đã có thỏa thuận theo nội dung điều này, sẽ, theo yêu cầu của một bên,*

đưa các bên ra trọng tài, trừ khi tòa án thấy rằng thỏa thuận nói trên không rõ hiệu lực hoặc không thể thực hiện được”.

Luật Trọng tài Anh, Luật Trọng tài Quốc tế Singapore đều có quy định Tòa án sẽ ra lệnh dừng tố tụng trọng tài nếu thấy thỏa thuận trọng tài là vô hiệu, không thực hiện được hoặc không thể thực hiện được trên cơ sở có đơn yêu cầu của một bên.

Ví dụ: Trong thỏa thuận trọng tài quy định chọn Trọng tài viên A là trọng tài viên duy nhất để giải quyết vụ tranh chấp nhưng khi phát sinh tranh chấp trọng tài viên A đã chết hoặc thỏa thuận trọng tài chọn Trung tâm trọng tài thương mại C thẩm quyền giải quyết tranh chấp nhưng thời gian sau Trung tâm này đã không còn hoạt động ... Với những trường hợp trên, theo quy định pháp luật Hội đồng trọng tài ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp nếu tòa án quyết định thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được. Các bên có thể cùng bàn bạc xác lập thỏa thuận mới; nếu không có thỏa thuận khác thì các bên có quyền khởi kiện ra tòa án.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài ở Việt Nam hiện nay (thông qua một số vụ việc)

Từ khi Luật Trọng tài thương mại 2010 có hiệu lực, những vụ việc khiếu nại yêu cầu hủy phán quyết trọng tài do thỏa thuận trọng tài không đáp ứng đủ những điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài không nhiều, chủ yếu đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài do tòa án giải quyết. Hơn nữa, để có được những vụ việc về hiệu lực thỏa thuận trọng tài không phải dễ dàng bởi do tính chất nhằm bảo đảm bí mật trong kinh doanh thương mại cũng như bảo vệ uy tín danh dự của các bên cho nên chỉ được phép lưu hành nội bộ, không được công bố. Dưới đây là một trong rất ít những vụ việc về hiệu lực thỏa thuận trọng tài diễn ra trong giai đoạn sau khi Luật Trọng tài thương mại 2010 có hiệu lực. Tác giả

luận văn cũng xin phép đổi tên các bên trong những vụ việc sẽ nêu dưới đây.

Vụ việc thứ nhất:

Ngày 08/12/2009, Công ty TNHH Minh Trang (gọi tắt là Minh Trang) và Công ty TNHH Quốc tế Stan Việt Nam (gọi tắt là Stan) ký kết Hợp đồng số 0812/HĐKT-TT theo đó Minh Trang chịu trách nhiệm thiết kế, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, hệ thống tái sử dụng nước và hệ thống xử lý khói cho Stan tại nhà máy chế biến hạt điều Quang Thọ tỉnh Tây Ninh. Theo Điều 4 của Hợp đồng quy định: “Mọi sự khiếu nại và tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có) phải được thông báo chính thức bằng văn bản mới có giá trị thực hiện. Trên cơ sở này, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác lâu dài và cùng có lợi. Nếu hai bên không thống nhất được, thì nhờ Trung tâm Trọng tài Quốc tế thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam giải quyết tranh chấp”. Ngày 22/5/2011 Minh Trang đã khởi kiện Stan ra VIAC yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng và ngày 30/12/2011 VIAC đã thụ lý vụ kiện. Ngày 6/7/2012 Stan nhận được Quyết định đề ngày 04/7/2012 của Hội đồng trọng tài thuộc VIAC về thẩm quyền giải quyết vụ kiện, theo đó xác định VIAC có thẩm quyền giải quyết vụ kiện này. Ngày 10/7/2012 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn khiếu nại của Stan là Bị đơn khiếu nại đối với Quyết định của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là VIAC) về thẩm quyền giải quyết vụ kiện số 25/11 HCM giữa Minh Trang và Stan;

Kết quả là Tòa không chấp nhận khiếu nại của Công ty Stan Việt Nam đối với Quyết định của Hội đồng Trọng tài thuộc VIAC về thẩm quyền giải quyết vụ kiện số 25/11 HCM giữa Công ty Minh Trang và Công ty Stan Việt Nam. Thỏa thuận trọng tài trong tại Điều 4 Hợp đồng 0812/HĐKT-TT không bị vô hiệu theo Pháp luật hiện hành. Trung tâm Trọng tài VIAC có thẩm

quyền giải quyết vụ kiện số 25/11 HCM giữa Công ty Minh Trang và Công ty Stan Việt Nam.

Qua vụ việc này cho thấy, Tòa án nhân dân thành phố đã không giải quyết khiếu nại của Công ty Stan Việt Nam là hoàn toàn chính xác do thời điểm này Luật Trọng tài thương mại 2010 đã có hiệu lực và Luật cũng không có quy định không có trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu do thỏa thuận trọng tài không chỉ rõ tổ chức trọng tài có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Vụ việc thứ 2:

Tóm tắt vụ việc:

Công ty TNHH xây lắp thiết bị TL (Việt Nam) và Công ty TNHH Đầu tư TMA cùng ký kết hợp đồng lắp đặt thiết bị cho toàn bộ dự án xây dựng nhà máy theo Hợp đồng số 0666/HĐKT-TL năm 2010. Tại điều khoản cuối của hợp đồng hai bên ghi nhận: “Trong trường hợp phát sinh tranh chấp hai bên cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận hướng giải quyết trên tinh thần hoà nhã. Nếu không được thì vụ việc sẽ được giải quyết tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam bên cạnh phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt VIAC). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty TNHH Đầu tư TMA đã không thanh toán đủ số tiền theo quy định dù Công ty TNHH xây lắp thiết bị TL đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị thanh toán theo đúng tiến độ. Vì vậy, ngày 16/04/2012 Công ty TNHH xây lắp thiết bị TL đã khởi kiện Công ty TNHH Đầu tư TMA ra Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam yêu cầu Công ty này thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng hợp đồng đã ký và tiền lãi chậm thanh toán. Ngày 24/10/2012, Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam ra Quyết định buộc Công ty TNHH Đầu tư TMA trả cho Công ty TNHH xây lắp thiết bị TL toàn bộ số tiền chưa thanh toán, tiền lãi chậm thanh toán. Ngày 28/10/2012 Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam có Công văn gửi Công ty TNHH xây lắp thiết bị TL, Công ty TNHH Đầu tư TMA và kèm theo Quyết

định trọng tài do Hội đồng trọng tài giải quyết vụ kiện số 05/12 công bố ngày 24/10/2012. Ngày 10/11/2012, Công ty TNHH Đầu tư TMA nhận được Quyết định trọng tài do Hội đồng trọng tài giải quyết vụ kiện số 05/12 công bố ngày 24/10/2012.

Ngày 13/12/2012 Công ty TNHH Đầu tư TMA nộp đơn khởi kiện vụ án yêu cầu hủy quyết định trọng tài tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, tòa án đã không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Đầu tư TMA vì đã hết thời hạn có “Quyền yêu cầu hủy Quyết định trọng tài” theo khoản 1 điều 69 Luật trọng tài thương mại năm 2010 bởi tính thời gian từ lúc Công ty nhận Quyết định trọng tài (10/11/2012) tới ngày nộp đơn yêu cầu tại tòa án (13/12/2012) là đã quá thời hạn 30 ngày luật định. Đồng thời, tại tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Công ty TNHH Đầu tư TMA cũng không xuất trình tài liệu chứng minh việc gửi đơn quá hạn vì sự kiện bất khả kháng (khoản 2 điều 69 Luật trọng tài thương mại năm 2010). Đồng thời, không hủy “Quyết định trọng tài” do Hội đồng trọng tài của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam giải quyết vụ kiện trên.

Trong trường hợp trên, cách giải quyết của Tòa hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật trọng tài thương mại. Việc Công ty TNHH Đầu tư TMA bị bác đơn do trong quá trình thực hiện pháp luật đã thiếu hiểu biết về các quy định pháp luật trọng tài thương mại nhất là về thời hạn nộp đơn khởi kiện và những trường hợp bất khả kháng.

Vụ việc thứ 3:

Năm 2009 Công ty TNHH xây dựng và phát triển nhà ở TA ký hợp đồng số 0236/KDTM-TA với Công ty TNHH lắp đặt và cung cấp trang thiết bị nội thất SG về việc yêu cầu Công ty này cung cấp và lắp đặt trang thiết bị nội thất từ khâu thiết kế đến hoàn thiện cho tòa nhà chung cư ở quận X, thành

phố Hồ Chí Minh. Trong hợp đồng có điều khoản quy định nếu có tranh chấp phát sinh thì sẽ nhờ Trung tâm trọng tài thương mại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết.

Ngày 15-01-2012, Công ty lắp đặt và cung cấp trang thiết bị nội thất SG đã không được Công ty TNHH xây dựng và phát triển nhà ở TA thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền cung cấp trang thiết bị đợt 4 (vì điều khoản trong hợp đồng quy định việc thanh toán được chia làm 4 đợt) nên đã làm đơn khởi kiện Công ty TNHH xây dựng và phát triển nhà ở TA và Trung tâm trọng tài thương mại thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý giải quyết. Quyết định trọng tài số 35/12 của Trung tâm trọng tài thương mại thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty TNHH xây dựng và phát triển nhà ở TA phải thanh toán số tiền đợt 4 cho phía Công ty lắp đặt và cung cấp trang thiết bị nội thất SG, không tính tiền lãi chậm trả do Công ty này không yêu cầu.

Vì không chấp nhận Quyết định trọng tài số 35/12 của Trung tâm trọng tài thương mại thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty TNHH xây dựng và phát triển nhà ở TA sau đó đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu hủy quyết định trọng tài vì cho rằng đại diện theo ủy quyền - ông Phạm Văn T mặc dù có Giấy ủy quyền của Giám đốc Công ty lắp đặt và cung cấp trang thiết bị nội thất SG nhưng không phải là người đại diện theo pháp luật nên không có thẩm quyền ký kết hợp đồng số 0236/KDTM-TA trong đó có điều khoản thỏa thuận trọng tài. Tuy nhiên, Tòa án đã không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định trọng tài của Công ty TNHH xây dựng và phát triển nhà ở Thuận An với lý do việc ông T ký hợp đồng trong đó có điều khoản trọng tài phía Công ty TA đều biết và không phản đối tư cách ký hợp đồng của ông T. Công ty TA cũng đã tiến hành thực hiện hợp đồng. Đồng thời, trong quá trình xác lập, thực hiện thỏa thuận trọng và tại phiên tòa Giám đốc công ty lắp đặt và cung cấp trang thiết bị nội thất SG Trần Thanh M-

người có thẩm quyền xác lập thỏa thuận trọng tài đã có văn bản gửi Tòa án về việc chấp nhận cũng như đã biết điều này cho nên thỏa thuận trọng tài không vô hiệu theo điều 3 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/03/2014 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định Luật trọng tài thương mại. Vì vậy, không hủy “quyết định trọng tài” của Trung tâm trọng tài thương mại thành phố Hồ Chí Minh.

Từ vụ tranh chấp giữa Công ty lắp đặt và cung cấp trang thiết bị nội thất SG với Công ty TNHH xây dựng và phát triển nhà ở TA, nhận thấy nếu căn cứ vào khoản 2 điều 18 Luật trọng tài thương mại thì thỏa thuận trọng tài của hai bên sẽ bị vô hiệu vì không thỏa điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Tuy nhiên, trong thực tế có nhiều trường hợp người ký thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền xảy ra, cho nên Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/03/2014 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao là văn bản hướng dẫn với những trường hợp ủy quyền như trên sẽ được pháp luật chấp nhận nhằm gỡ rối những vướng mắc các quy định pháp luật khi giải quyết và hạn chế việc hủy các quyết định của trọng tài do thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

Vụ việc thứ tư:

Ngày 16 tháng 10 năm 2014, VIAC đã nhận Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo của Công ty TNHH Xây dựng M* (Việt Nam) kiện Ủy ban Nhân dân Tỉnh Q liên quan đến tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng Ký tắt số 06/2013/HĐXD-BT ngày 13 tháng 06 năm 2013 về một dự án BT. Theo đó, vì lý do căn cứ vào Nghị quyết Nr.01-2014 của Chính phủ về việc dừng các dự án BT chưa khởi công. Vì vậy, Hợp đồng dự án của dự án này đã không được ký kết và và lễ khởi công công trình xây dựng cũng không được thực

* Tên Doanh nghiệp và Bị đơn đã được mã hóa

hiện và Dự án BT buộc phải dừng lại. Trong Hợp đồng ký tắt (tại Điều 38) có điều khoản trọng tài mà theo đó, mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng được giải quyết tại Trung tâm trọng tài quốc tế bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VIAC. Hội đồng trọng tài đã được thành lập (Bên Nguyên đơn cử một trọng tài viên người Singapore và Bị đơn cử một trọng tài viên người Việt Nam) theo đúng trình tự và thời hạn. Tuy nhiên, trong bản Tự bảo vệ bổ sung của mình tại phiên hòa giải, Bị đơn (đột ngột) phản đối thẩm quyền của trọng tài và cho rằng:

Bị đơn viện dẫn Điều 37.2 của Luật Trọng tài thương mại và Điều 13.2 Quy tắc tổ tụng Trọng tài của VIAC, theo đó, trong quá trình tổ tụng, các bên có thể sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đơn kiện lại hoặc bản tự bảo vệ; và việc này có thể thực hiện (đến) trước thời điểm kết thúc phiên họp cuối cùng giải quyết vụ tranh chấp; Theo lập luận của Bị đơn thì trong quá trình tổ tụng, nội dung quyền được sửa đổi, bổ sung Bản tự bảo vệ với thời hạn nêu trên bao gồm cả quyền phản đối thẩm quyền của Trọng tài và không có bất kỳ quy định nào quy định về sự hạn chế về nội dung này. Điều này (theo Bị đơn), quyền phản đối thẩm quyền của Trọng tài được sử dụng cho đến trước khi kết thúc phiên họp cuối cùng giải quyết tranh chấp;

Bị đơn viện dẫn Điều 43.1 của Luật Trọng tài thương mại và Điều 26.2 Quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC để cho rằng, trước khi xem xét giải quyết nội dung của vụ tranh chấp, Hội đồng Trọng tài phải xem xét hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, **dù có hay không có khiếu nại của một bên về vấn đề này**. Theo đó, Bị đơn đã nêu ý kiến phản đối thẩm quyền của Trọng tài tại **Phiên họp thứ nhất ngày 25 tháng 06 năm 2015** mà tại đây, chỉ xem xét những vấn đề thủ tục;

- Các bên chưa ký kết bất kỳ thỏa thuận nào cho phép một trong các bên đưa các tranh chấp liên quan đến việc thực hiện dự án ra VIAC để giải

quyết:

+ Bị đơn cho rằng, Hợp đồng Ký tắt và hợp đồng Dự án, về bản chất là hai loại hợp đồng khác nhau và phục vụ cho các mục đích khác nhau

+ Căn cứ vào Điều 3 và Điều 47.1 của Hợp đồng Ký tắt thì Hợp đồng này chỉ nhằm mục đích cho Nguyên đơn xin cấp giấy chứng nhận đầu tư.

+ Bị đơn căn cứ vào Điều 28, Nghị định 108/2009 cho rằng, việc ký kết luận việc cấp giấy chứng nhận đầu tư và việc thực hiện dự án là hai giai đoạn độc lập với nhau và vì thế, Hợp đồng Ký tắt không thể cũng là Hợp đồng Dự án.

+ Theo bị đơn, Nội dung của Hợp đồng ký tắt không nhất thiết là nội dung của Hợp đồng Dự án do các bên còn phải thống nhất khi ký Hợp đồng Dự án. Vì vậy, những nội dung trong Hợp đồng Ký tắt là chưa chính thức, chưa ràng buộc các bên, **bao gồm cả điều khoản giải quyết tranh chấp tại Điều 38 của Hợp đồng Ký tắt.**

+ Vì vậy, do Thỏa thuận trọng tài tại Điều 38 của Hợp đồng ký tắt không có hiệu lực pháp lý nên, Trọng tài VIAC không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp này.

Sau khi xem xét ý kiến của Nguyên đơn, và phân tích sự việc, Hội đồng trọng tài, Trong phiên xử về thẩm quyền ngày 29.12.2015, đã nhận định:

Căn cứ vào Đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2014, VIAC gửi Thông báo Vụ tranh chấp số 664/VIAC, Quy tắc tố tụng Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam năm 2012, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu kèm theo của Nguyên đơn tới Bị đơn. Tại Thông báo này, VIAC hướng dẫn Bị đơn nộp Bản tự bảo vệ cũng như lựa chọn 01 Trọng tài viên giải quyết tranh chấp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận Thông báo, trong đó, có yêu cầu Bị đơn có ý kiến về sự tồn tại và hiệu lực của Thỏa thuận trọng tài. Ngày 01 tháng 12 năm 2014, VIAC nhận được Bản tự bảo vệ đề

ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bị đơn và các tài liệu kèm theo. Tuy nhiên, trong Bản tự bảo vệ này, Bị đơn **không nêu ý kiến phản đối** thẩm quyền của trọng tài. Đến đây, Hội đồng Trọng tài hiểu rằng: Ngay từ đầu, Bị đơn không có ý định phản đối thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài cũng như VIAC và vẫn tiếp tục quá trình tố tụng trọng tài.

Hội đồng Trọng tài cũng thấy rằng: Hội đồng Trọng tài đã thực hiện đúng các quy định của Điều 43.1 của Luật Trọng tài Thương mại và Điều 26.2 của Quy tắc của VIAC, theo đó, trước khi xem xét nội dung tranh chấp, Hội đồng Trọng tài đã xem xét về sự tồn tại cũng như hiệu lực của Thỏa thuận trọng tài. Tại Phiên họp, cả hai Bên đều không phản đối về việc chọn, chỉ định, thành lập Hội đồng Trọng tài và cho rằng, quá trình thành lập Hội đồng Trọng tài này tại VIAC là không vi phạm pháp luật và Quy tắc của VIAC.

Về việc Bị đơn nêu ý kiến phản đối thẩm quyền của Trọng tài tại phiên họp ngày 25 tháng 06 năm 2015 – Phiên họp có mục đích để hướng dẫn các Bên tìm cách giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, theo Hội đồng Trọng tài là không vi phạm pháp luật về tố tụng trọng tài. Vì vậy, về phương diện tố tụng, Hội đồng Trọng tài đã ghi nhận ý kiến này và sẽ xem xét giải quyết. Tuy nhiên, việc thụ lý yêu cầu này không có nghĩa là việc phản đối này đã được chấp nhận.

Việc xác định thẩm quyền của trọng tài là công việc đầu tiên mà bất kỳ Hội đồng Trọng tài nào cũng phải xem xét, kết luận, bất luận là có Bên nào trong vụ kiện có phản đối thẩm quyền hay không. Đây là tiền đề để Hội đồng Trọng tài và các Bên thực hiện các hành vi tố tụng giải quyết tranh chấp. Do ý nghĩa quan trọng và mang tính tiền đề đó, Điều 35.4 Luật Trọng tài Thương mại và Điều 8.1 Quy tắc của VIAC đã yêu cầu Bị đơn phải có ý kiến về vấn đề này trong Bản tự bảo vệ. Hội đồng Trọng tài quan niệm, đây là yêu cầu bắt buộc và cần phải đáp ứng khi Bị đơn nộp Bản tự bảo vệ. Điều này có nghĩa

rằng, quyền sửa đổi, bổ sung Bản tự bảo vệ cho đến khi Hội đồng Trọng tài ra phán quyết cuối cùng theo Điều 35.2 Luật Trọng tài Thương mại và Điều 6.1 của Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân Tối cao không bao gồm việc sửa đổi, bổ sung ý kiến về thẩm quyền của Trọng tài. Điều này là hợp tình, hợp lý xuất phát từ lô-gic thông thường của mọi vụ tranh chấp cũng như trật tự thông thường của các hoạt động tố tụng.

Ngoài ra, trên thực tế, tại Văn thư số 664/VIAC ngày 29 tháng 10 năm 2014, VIAC đã chỉ rõ yêu cầu Bị đơn cho ý kiến về Thỏa thuận Trọng tài và hiệu lực của nó trong Bản tự bảo vệ với thời hạn là 30 ngày. Tuy nhiên, trong Bản tự bảo vệ đề ngày 28 tháng 11 năm 2014, Bị đơn đã không thể hiện quan điểm của mình về việc phản đối thẩm quyền của trọng tài.

Về giá trị pháp lý của Hợp đồng Ký tắt và hiệu lực pháp lý của Thỏa thuận Trọng tài, Hội đồng Trọng tài cho rằng: Văn bản số 06/2013/HĐXD-BT, được ký kết giữa Nguyên Đơn và Bị đơn, theo pháp luật Việt Nam, là một văn bản được ký kết đúng pháp luật, đúng thẩm quyền, phù hợp với hình thức nên có giá trị pháp lý là một Hợp đồng. Hợp đồng này có hiệu lực pháp lý, có giá trị ràng buộc các bên tham gia ký kết. Về mặt pháp lý vào hiệu lực của những điều khoản được thống nhất và ký kết, Hợp đồng này không lệ thuộc và mục đích, ý nghĩa và giá trị kinh tế, kỹ thuật hay pháp lý của nó trong quá trình thực hiện Dự án Xây dựng – Chuyển giao. Mặc dù, Hội đồng Trọng tài cũng cho rằng, Hợp đồng Ký tắt là tiền đề pháp lý và kỹ thuật để Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư và những thủ tục pháp lý cần thiết khác để Nguyên đơn có thể thực hiện dự án đầu tư. Tuy nhiên, Hội đồng Trọng tài vẫn cho rằng Hợp đồng Ký tắt đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện của một hợp đồng theo pháp luật dân sự của Việt Nam.

Hội đồng Trọng tài cho rằng: Trong Hợp đồng này, có tồn tại một Thỏa thuận trọng tài, được ghi nhận trong Điều 38 của Hợp đồng ký tắt: “Trong

trường hợp phát sinh tranh chấp có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này, các bên sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong vòng sáu mươi (60) ngày, thì các bên đưa việc tranh chấp ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp tại Hà Nội để giải quyết theo quy định.” Trong khi, Hội đồng Trọng tài cho rằng có tồn tại một quan hệ hợp đồng giữa hai Bên nhưng không lệ thuộc vào hiệu lực của hợp đồng, Điều 19 Luật Trọng tài Thương mại quy định: *"Thỏa thuận trọng tài hoàn toàn độc lập với hợp đồng. Việc thay đổi, gia hạn, hủy bỏ hợp đồng, hợp đồng vô hiệu hoặc không thể thực hiện được không làm mất hiệu lực của thỏa thuận trọng tài."*

Dựa trên những căn cứ trên đây, Hội đồng trọng tài đã quyết định “Bác bỏ phản đối của Bị đơn về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài dựa vào những lý do đã nêu”.

Qua vụ việc nêu trên, có thể đưa ra kết luận là: Việc xác định hiệu lực của thỏa thuận của trọng tài là vấn đề tương đối phức tạp. Việc xem xét hiệu lực của thỏa thuận trọng tài có thể gắn liền nhưng không bắt buộc với hiệu lực của hợp đồng thương mại. Vì những điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài và việc xác định thẩm quyền của trọng tài sẽ căn cứ vào những quy định của pháp luật trọng tài.

Tóm lại, qua các vụ việc mà tác giả đã nêu thiết nghĩ tuy các quy định pháp về thỏa thuận trọng tài cũng như các điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài được quy định cơ bản tương đối đầy đủ, nhưng thực tiễn khi áp dụng pháp luật không đơn giản. Do đó, để tránh mất thời gian, công sức, tiền bạc trong việc yêu cầu hủy quyết định trọng tài và để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình các bên nên tìm hiểu kỹ các quy định pháp luật về thỏa thuận trọng tài.

Kết luận Chương 2

Tại chương 1 sau khi đề cập những vấn đề lý luận chung về hiệu lực thỏa thuận trọng tài thì chương 2 đã nghiên cứu thực trạng pháp luật với các quy định pháp luật về điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài và áp dụng pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài ở Việt Nam trong tình hình kinh tế hiện nay thông qua những vụ việc cụ thể. Qua đó cho thấy rõ một thỏa thuận trọng tài dù ở bất kỳ bối cảnh nào cũng có hiệu lực nếu phù hợp với những quy định pháp luật được các bên thỏa thuận cụ thể phải tuân thủ theo những điều kiện nhất định của pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Vì vậy, trên thực tế khi áp dụng các quy định pháp luật để tránh những rắc rối có thể xảy ra trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thì các bên cần có thời gian để tìm hiểu thật rõ những quy định pháp luật về các điều kiện này cũng như thỏa thuận kỹ lưỡng với nhau về điều khoản thỏa thuận trọng tài.

Tuy trong quá trình áp dụng thực tiễn dù Luật trọng tài thương mại 2010 đã có những điểm thuận lợi hơn Pháp lệnh trọng tài 2003 nhưng bên cạnh vẫn còn những khó khăn, những vướng mắc mà trong chương 3 tác giả luận văn sẽ đề cập đến những hạn chế của cũng như những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài tại Việt Nam.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HIỆU LỰC CỦA THỎA THUẬN TRỌNG TÀI

3.1. Nhu cầu và định hướng hoàn thiện pháp luật

3.1.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật

Hiện nay, hoạt động kinh tế quốc tế trên thế giới đã đạt bước phát triển mạnh mang tính thời đại sâu sắc. Vì thế, các tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại có xu hướng gia tăng, đòi hỏi cần có những phương thức giải quyết tranh chấp nhanh, hiệu quả nhằm bảo đảm cho các hoạt động được diễn ra thuận lợi và phương thức giải quyết tranh chấp bằng con đường trọng tài ra đời với nhiều ưu điểm là hệ quả tất yếu. Trong điều kiện hội nhập quốc tế diễn ra hết sức mạnh mẽ, cùng với sự phát triển kinh tế thị trường, các doanh nghiệp Việt Nam và các doanh nghiệp nước ngoài là các đối tác với nhau trong các giao dịch kinh tế, thương mại ngày càng gia tăng đã làm phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng dẫn đến xuất hiện các tranh chấp thương mại ngày càng nhiều hơn. Thế nhưng, để sử dụng phương thức giải quyết tranh chấp bằng con đường trọng tài này thì cần phải có sự thỏa thuận trọng tài giữa các bên. Đây là vấn đề then chốt đóng vai trò quyết định trong việc áp dụng con đường trọng tài. Do đó, Luật trọng tài thương mại 2010 ra đời vừa thay thế vừa kế thừa những chế định tiến bộ của Pháp lệnh trọng tài 2003 đã là bước chuyển biến tích cực để phù hợp với tình hình kinh tế hiện nay của đất nước. Tuy nhiên, trong suốt quá trình thực hiện áp dụng Luật trọng tài thương mại 2010 cho đến nay đã bộc lộ một số hạn chế và bất cập nói chung, trong các quy định về thỏa thuận trọng tài mà đặc biệt là những điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài nói riêng cụ thể:

- Tại điều 6 Luật thương mại 2010 có quy định tòa án từ chối thụ lý trong trường hợp có thỏa thuận trọng tài nhưng trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thiết nghĩ quy định này mang tính áp đặt, cứng nhắc và quá mơ hồ. Bởi lẽ, Luật trọng tài không có quy định khái niệm thế nào là thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì làm sao xác định được thỏa thuận nào là thỏa thuận không thực hiện được, do đó sẽ dẫn đến sự tùy tiện trong việc giải quyết tranh chấp. Mặt khác, khi các bên thỏa thuận trọng tài có thể vì lý do chủ quan hay khách quan nào đó làm cho thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được nhưng bản thân các bên vẫn mong muốn được giải quyết tranh chấp bằng con đường trọng tài. Vậy thì phải giải quyết như thế nào đây để bảo đảm tối đa cho các bên tranh chấp thực hiện quyền tự định đoạt của mình trong sự chọn lựa phương thức giải quyết tranh chấp cũng như không làm mất tính tự do ý chí, tính tự nguyện của các bên khi xác lập thỏa thuận trọng tài, đồng thời tạo điều kiện cho hoạt động trọng tài được phát triển mạnh mẽ.

- Về hình thức thỏa thuận trọng tài theo Luật trọng tài thương mại quy định được thể hiện dưới 2 hình thức là điều khoản trong hợp đồng và văn bản thỏa thuận riêng biệt. Các hình thức này phù hợp với thông lệ quốc tế dù đã đủ nhưng theo tác giả chưa được hoàn chỉnh và triệt để. Vì khi xem quy định này là điều kiện kiên quyết để thỏa thuận trọng tài có hiệu lực thì khi phát sinh tranh chấp đối với thỏa thuận bằng văn bản riêng biệt sẽ áp dụng luật nào để điều chỉnh giải quyết và hiệu lực của nó cũng bắt đầu từ lúc nào. Điều đó sẽ gây khó khăn, phức tạp trong áp dụng thực tiễn nhất là những nhà đầu tư nước ngoài bởi Luật trọng tài thương mại 2010 đã không quy định pháp luật điều chỉnh trường hợp này.

- Ngoài ra, điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài được quy định theo khoản 5, khoản 6 điều 18 Luật trọng tài thương mại 2010 mang tính chất

chung chung, không rõ ràng và có nhiều điểm thiếu sót, không nhất quán với các văn bản pháp luật liên quan như Bộ luật dân sự làm ảnh hưởng đến quá trình ký kết và thực thi pháp luật...

- Hiện nay, phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài không còn lạ đối với nền kinh tế thị trường Việt Nam, Luật trọng tài thương mại 2010 đã giải quyết phần nào những vướng mắc, khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật trong thực tế. Những quy định về thỏa thuận trọng tài hay những điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài được quy định cơ bản tương đối đầy đủ. Thế nhưng, có những trường hợp một trong các bên cố tình chây lỳ trong thực hiện nghĩa vụ thỏa thuận hay cố tình hoặc giả vờ không biết làm cho thỏa thuận trọng tài vô hiệu thì pháp luật trọng tài lại không có quy định cách xử lý, giải quyết để bảo vệ bên còn lại. Đây cũng là vấn đề cần nên xem xét.

Từ những phân tích trên, cho thấy để tạo hành lang pháp lý an toàn cùng với việc bảo đảm lợi ích hợp pháp cho các bên khi tham gia thỏa thuận trọng tài, đồng thời tạo điều kiện cho các trung tâm trọng tài thương mại quốc tế hoạt động và phát triển đúng hướng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng với hình thức giải quyết tranh chấp này, thì nhà nước cần ban hành các văn bản pháp luật cụ thể, chính xác về các quy định thỏa thuận trọng tài nói chung, điều kiện thỏa thuận trọng tài nói riêng để tránh thỏa thuận trọng tài bị vô hiệu.

Vì vậy, nhu cầu hoàn thiện các chế định pháp lý về thỏa thuận trọng tài, về các điều kiện có hiệu lực thỏa thuận trọng tài để có một thỏa thuận trọng tài hoàn chỉnh, đặc biệt quan trọng là điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình kinh tế hiện nay là điều cần thiết.

3.1.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật

Sự ra đời của Luật trọng tài thương mại 2010, nhìn chung pháp luật Việt Nam hiện hành đã điều chỉnh tương đối đầy đủ các vấn đề có liên quan đến hoạt động trọng tài trong đó có thỏa thuận trọng tài mà chủ yếu là hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đó, các quy định của pháp luật hiện hành này cũng bộc lộ một số hạn chế, cần được tiếp tục hoàn thiện. Việc hoàn thiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài cần thực hiện dựa trên những cơ sở và tuân theo những định hướng dưới đây:

- Khi nền kinh tế thị trường Việt Nam phát triển thì pháp luật điều chỉnh hiệu lực của thỏa thuận trọng tài cần phải thay đổi về phạm vi điều chỉnh, nội dung và cơ chế điều chỉnh bảo đảm phù hợp với các quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường nhằm giúp các bên thực hiện đúng thỏa thuận trọng tài theo như các điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài mà pháp luật đã quy định, tránh làm thỏa thuận trọng tài vô hiệu

- Những giải pháp hoàn thiện pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài được xây dựng trên quan điểm là bảo đảm quyền tự do lựa chọn, ý chí tự nguyện giữa các bên trong thỏa thuận khi thực hiện các điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài chứ không phải được xây dựng trên quan điểm mang nặng tính mệnh lệnh hành chính với chế độ “xin, cho”. Vì vậy, nhà nước cần tháo bỏ những rào cản về chính sách, pháp luật như các quy định gây cản trở đến hoạt động của trọng tài; các quy định không phù hợp không rõ ràng sẽ gây sự nhầm lẫn trong điều kiện của thỏa thuận trọng tài, không bảo đảm quyền lợi của các bên tham gia thỏa thuận trọng tài. Ngoài ra, cần bổ sung thêm cho chính xác về điều kiện hiệu lực của thỏa thuận trọng tài cũng như quy định quyền và nghĩa vụ các bên khi thỏa thuận trọng tài và biện pháp chế tài với bên vi phạm.

- Với nền kinh tế thị trường Việt Nam theo định hướng xã hội chủ

nghĩa thì những giải pháp hoàn thiện về thỏa thuận trọng tài nói chung về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài nói riêng cần phản ánh những điều kiện cụ thể của nền kinh tế thị trường Việt Nam qua đó là những giá trị nhân văn, tính ưu việt của chế độ, bên cạnh đó, phải tiếp thu những quan điểm lập pháp tiến bộ phổ biến trên thế giới.

- Cần bảo đảm tính minh bạch, công khai, thống nhất và khả thi của pháp luật điều chỉnh hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Điều này có nghĩa việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh này phải theo một trình tự rõ ràng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kể cả mọi tầng lớp nhân dân cùng tham gia góp ý kiến xây dựng pháp luật. Mặt khác, nó phải được công bố công khai, tuyên truyền rộng rãi không chỉ ở quốc gia mà còn ở quốc tế về vấn đề này. Ngoài ra, các quy phạm, các chế định điều chỉnh trong nhiều văn bản phải tương đồng, không mâu thuẫn, không chồng chéo nhau để bảo đảm công tác thực thi pháp luật được nhanh chóng, có hiệu quả cao và tạo sự tin tưởng cho các doanh nghiệp về chính sách, pháp luật kinh doanh của nhà nước.

3.2. Giải pháp hoàn thiện về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài

Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập nền kinh tế thế giới, cần thiết phải ban hành những quy định pháp luật nhằm tạo hành lang pháp lý an toàn cho các chủ thể kinh doanh trong nước cũng như ngoài nước trong việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh. Luật trọng tài thương mại năm 2010 đáp ứng nhu cầu phát triển của kinh tế Việt Nam, thay thế cho Pháp lệnh trọng tài thương mại vốn dĩ có nhiều hạn chế trong quá trình thực thi pháp luật. Tuy nhiên, Luật trọng tài thương mại vẫn còn vướng mắc và những khó khăn chưa được giải quyết triệt để bắt nguồn từ thực tiễn trong đó điển hình là những mặt còn bất cập, hạn chế về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài như đã nêu tại mục 3.1.1.

Do đó, tác giả xin đưa ra những giải pháp hoàn thiện về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.

Vấn đề thứ nhất:

Luật trọng tài thương mại năm 2010 có quy định về trường hợp thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì tòa án có thẩm quyền giải quyết [15, tr. 11]. Đây là điểm mới được bổ sung so với Pháp lệnh trọng tài thương mại 2003 để tòa án không thể từ chối thụ lý. Trên thực tế có những trường hợp các bên quy định trong điều khoản thỏa thuận hay văn bản thỏa thuận mang tính chất chung chung, không thỏa thuận rõ về hình thức, nội dung như thỏa thuận chọn trọng tài vụ việc hay trọng tài thường trực giải quyết, chọn cơ quan có thẩm quyền giải quyết có thể là tòa án hay trọng tài ... không cụ thể, mang tính mơ hồ ... xuất phát từ suy nghĩ trong làm ăn kinh doanh chủ yếu là tin tưởng nhau, các bên đã chủ quan không tìm hiểu kỹ những quy định pháp luật trọng tài, còn xem nhẹ trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp dẫn đến thỏa thuận trọng tài không thực hiện được, trọng tài không có thẩm quyền giải quyết.

Bởi những lý do trên, với trường hợp này khi một bên có đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp thì cần thiết tòa án nên có văn bản thông báo cho các bên biết và quy định thời gian để các bên cùng nhau thiết lập thỏa thuận trọng tài mới. Nếu quá thời hạn quy định mà các bên không có thỏa thuận mới thì xem như các bên từ chối không muốn giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài và lúc này tòa án mới thụ lý và xem xét giải quyết theo thẩm quyền. Việc pháp luật trọng tài ghi nhận những quy định như trên nhằm đảm bảo tôn trọng ý chí của các bên muốn sử dụng trọng tài, tạo điều kiện cho trọng tài phát triển nếu như các bên có thỏa thuận trọng tài mới đồng thời cũng tạo điều kiện hỗ trợ, khắc phục những sai sót trong thỏa thuận trọng tài. Bên cạnh đó, Luật trọng tài cần quy định rõ về những trường hợp nào

được xem là trường hợp xác định rõ thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện để hạn chế những khó khăn, vướng mắc khi Hội đồng trọng tài ra các quyết định đình chỉ việc giải quyết tranh chấp hợp đồng theo khoản 1 điều 43 Luật trọng tài thương mại năm 2010.

Vấn đề thứ hai:

Tại phần 1.2.2 chương 1 của luận văn này đã nêu rõ tính độc lập của thỏa thuận trọng tài, có nghĩa thỏa thuận trọng tài hoàn toàn độc lập với hợp đồng nên luật áp dụng cho thỏa thuận trọng tài và luật áp dụng đối với hợp đồng khác nhau và độc lập với nhau. Pháp luật quy định hình thức thỏa thuận trọng tài được xác lập dưới hai hình thức đó là điều khoản thỏa thuận trọng tài trong hợp đồng và thỏa thuận trọng tài riêng biệt. Do đó, khi phát sinh tranh chấp có thể với dạng thỏa thuận trọng tài là điều khoản trong hợp đồng thì luật áp dụng cho hợp đồng là luật áp dụng cho thỏa thuận trọng tài nhưng với một văn bản thỏa thuận trọng tài riêng biệt thì sẽ bị điều chỉnh bởi luật nào. Đây là câu hỏi đã bị bỏ quên từ lúc có Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003 đến khi Luật trọng tài thương mại năm 2010 ra đời thay thế Pháp lệnh và đó cũng là một khó khăn, trở ngại không nhỏ đối với những nhà đầu tư, kinh doanh nước ngoài khi ký kết những hợp đồng thương mại quốc tế tại Việt Nam. Chính vì vậy, pháp luật cần có bổ sung thêm những quy định về vấn đề này một cách cụ thể, rõ ràng hơn để các bên dễ dàng tự do chọn lựa luật áp dụng.

Mặt khác, khi nói đến thời điểm có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài thì có sự liên quan đến điều khoản thỏa thuận trọng tài trong hợp đồng và văn bản thỏa thuận trọng tài riêng biệt. Do bởi, với điều khoản trọng tài được quy định trong hợp đồng thì thời điểm có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài chính là thời điểm có hiệu lực của hợp đồng. Thế nhưng, thời điểm có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trong thỏa thuận trọng tài riêng biệt thì được quy định ra

sao trong khi nó là yếu tố quan trọng trong việc xác định thời điểm thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo như thỏa thuận. Đây cũng là vấn đề nan giải mà trước đó, Pháp lệnh trọng tài thương mại và đến bây giờ Luật trọng tài thương mại năm 2010 đã không có câu trả lời thỏa đáng, không quy định điều này làm cho quá trình thực thi pháp luật trở nên phức tạp, khó khăn. Với các hợp đồng được giao kết Bộ luật dân sự năm 2015 đã có quy định rõ tại điều 400 về thời điểm giao kết hợp đồng, điều 401 về hiệu lực của hợp đồng. Vậy thì sao với văn bản thỏa thuận trọng tài riêng biệt lại không được pháp luật quy định, đây cũng là một thiếu sót cần thiết nên bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình hiện nay.

Vấn đề thứ ba:

Khoản 5 điều 18 Luật Trọng tài Thương mại 2010 quy định thỏa thuận trọng tài vô hiệu khi "*Một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài và có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài vô hiệu*". Tuy nhiên, điều khoản này chỉ đề cập đến sự lừa dối, sự đe dọa, cưỡng ép mà không nói đến sự nhầm lẫn của các bên trong quy định hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Thỏa thuận trọng tài dù ở bất kỳ hình thức nào chẳng nữa nó cũng là giao dịch dân sự trên cơ sở là một hợp đồng mà một khi đã là giao dịch dân sự thì phải chịu điều chỉnh bởi Bộ luật dân sự năm 2015 theo điều 126.

Thực tiễn vấn đề nhầm lẫn không phải là không có xảy ra nhưng Luật trọng tài thương mại lại không đưa vào quy định sẽ gây khó khăn cho việc giải quyết khi gặp trường hợp này, ví dụ như cả hai bên thỏa thuận chọn bà B là trọng tài viên duy nhất để giải quyết tranh chấp nhưng khi bà B chết thì các bên đã không biết.

Vì vậy, nên chăng khi một trong các bên bị nhầm lẫn trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài, sau đó phát hiện ra sự nhầm lẫn và có yêu cầu

tuyên bố thỏa thuận trọng tài vô hiệu thì thỏa thuận trọng tài trong trường hợp này cũng cần phải xác định là vô hiệu cũng giống như trường hợp bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Do đó, Luật trọng tài thương mại nên quy định thêm về trường hợp nhằm lần để phù hợp với tình hình thực tế diễn ra trong đời sống xã hội và để đồng nhất với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Mặt khác, tại điều này có phần quy định là khi một bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài đó là vô hiệu thì mới giải quyết. Đây là một quy định thể hiện sự tôn trọng quyền tự định đoạt thỏa thuận của các bên nhưng nó lại mập mờ, không rõ ràng, gây kéo dài thời gian giải quyết khi không quy định thời hiệu yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài vô hiệu trong trường hợp này. Do vậy, cần thiết nên bổ sung thời hiệu yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài vô hiệu thật cụ thể tránh những rắc rối có thể xảy ra trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Vấn đề thứ tư:

Khoản 6 điều 18 Luật trọng tài thương mại chỉ quy định thỏa thuận trọng tài vô hiệu khi có vi phạm điều cấm của pháp luật là có phần thiếu sót và không rõ ràng.

Hiện nay, trong các văn bản luật hay các văn bản dưới luật không có hướng dẫn, quy định cụ thể hay khái niệm thế nào là “điều cấm của pháp luật” dẫn đến có nhiều quan điểm, nhiều cách hiểu khác nhau gây khó khăn trong quá trình tiến hành tố tụng làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của các bên. Cho nên, cần xác định rõ điều cấm của pháp luật là những điều gì, cụ thể hóa bằng những hành vi nào để từ đó làm căn cứ pháp lý xác định rõ những thỏa thuận trọng tài vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Mặt khác, theo nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài quy định tại khoản 1 điều 4 Luật trọng tài thương mại ngoài trường hợp thỏa thuận trọng tài vi phạm điều cấm xã hội còn đề cập trường hợp thỏa thuận trọng tài

vi phạm đạo đức xã hội và trong khoản 6 điều 18 có nêu rõ khi vi phạm điều cấm của pháp luật thì thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Vậy thì khi các bên vi phạm đạo đức xã hội theo khoản 1 điều 4 Luật trọng tài thương mại thì thỏa thuận trọng tài sẽ giải quyết ra sao, có bị xem là vô hiệu không hay nói đúng hơn nó có phải là điều kiện để thỏa thuận trọng tài có hiệu lực không. Đây là vấn đề không được ghi nhận trong Luật trọng tài thương mại, là sự thiếu sót lớn. Sự thiếu nhất quán, đồng bộ trong những việc xây dựng quy định pháp luật xảy ra trong cùng một Luật ban hành là điều không thể chấp nhận, nó sẽ là khe hở pháp luật, gây khó khăn, mất thời gian trong việc vận dụng pháp luật. Thiết nghĩ, cần sửa đổi, bổ sung thêm về trường hợp các bên vi phạm đạo đức xã hội trong điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài: *“Thỏa thuận trọng tài vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc trái với đạo đức xã hội”* để tạo sự thống nhất giữa quy định tại khoản 1 điều 4 và khoản 6 điều 18 Luật trọng tài thương mại.

Vấn đề thứ năm:

Phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài xuất phát từ sự chọn lựa của các bên và để xác lập một thỏa thuận trọng tài có hiệu lực phải dựa trên ý chí thống nhất, sự tự nguyện của các bên. Do vậy, có những trường hợp vì muốn tòa án giải quyết tranh chấp nên một trong các bên cố ý đưa ra nhiều lý do hay cố tình không biết để không thực hiện nghĩa vụ của mình làm thỏa thuận trọng tài bị vô hiệu. Thỏa thuận trọng tài giữa các bên hay điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài được xem như là giao dịch dân sự nên bản chất của nó là hợp đồng vậy thì tại sao khi các bên vi phạm nghĩa vụ hợp đồng thì bị chế tài phạt vi phạm còn thỏa thuận trọng tài lại không có quy định chế tài phạt bên vi phạm không thực hiện thỏa thuận trọng tài như hợp đồng. Đây cũng là điểm quan trọng cần thiết cần nên bổ sung quy định chế tài phạt khi một bên vi phạm thỏa thuận trọng tài hoặc cố tình làm thỏa thuận

trọng tài bị vô hiệu vào Luật trọng tài thương mại để tạo sự công bằng cho các bên, tránh trở thành tiền lệ xấu về sau và nó sẽ không làm ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của pháp luật trong quá trình thực hiện.

3.3. Nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài

Ngoài việc đề ra những giải pháp hoàn thiện về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài thì để các quy định về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài đạt được hiệu quả cao trong hoạt động trọng tài cũng rất quan trọng. Ở mức độ khái quát, tác giả luận văn chỉ xin nêu ra một số giải pháp nâng cao như sau:

3.3.1. Đối với doanh nghiệp

Hiện nay, Việt Nam trong quá trình hội nhập nền kinh tế quốc tế thì các hoạt động kinh doanh thương mại ngày càng xuất hiện nhiều tranh chấp thương mại đa dạng, phức tạp với các chủ thể tham gia tranh chấp khác nhau. Đồng thời, song song đó phương thức giải quyết tranh chấp bằng con đường trọng tài ngày càng phổ biến, thường xuyên hơn bởi sự lựa chọn của các bên kinh doanh ngày càng cao. Đặc biệt, với phương thức này có nhiều ưu điểm nổi bật, trong đó điểm mạnh lớn nhất của trọng tài là giúp doanh nghiệp có thời gian giải quyết tranh chấp nhanh, không công khai, giữ bí mật nội dung kinh doanh, nội dung vụ án tranh chấp, tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt hiệu quả cao.

Do đó, để nâng cao hiệu quả của giải quyết tranh chấp bằng trọng tài nói chung và các quy định về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài nói riêng thì:

- Các doanh nghiệp cần nên trang bị đầy đủ kiến thức về các quy định trọng tài thương mại và thỏa thuận trọng tài.
- Trong quá trình đàm phán, thỏa thuận để tiến tới ký kết thỏa thuận trọng tài, các doanh nghiệp nên hiểu rõ, chính xác, cụ thể những quy định về điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài tránh những trường hợp làm cho

thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

- Khi soạn thảo thỏa thuận trọng tài, các bên doanh nghiệp cần lưu ý đến nội dung thỏa thuận trọng tài càng chi tiết, cụ thể hóa điều khoản thỏa thuận càng tránh độ rủi ro cao. Tuy nhiên, vấn đề hình thức của thỏa thuận trọng tài cũng rất quan trọng, vì ngay từ đầu nếu hình thức của thỏa thuận không đúng theo quy định của pháp luật thì thỏa thuận trọng tài sẽ bị vô hiệu và lúc này mặc nhiên không cần xét đến nội dung thỏa thuận trọng tài.

- Tham gia đầy đủ những khóa bồi dưỡng, khóa tập huấn ... do Bộ Thương mại chủ trì phối hợp với Bộ Tư Pháp và các bộ ban ngành liên quan như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tòa án nhân dân ... về các quy định pháp luật, Luật trọng tài thương mại và đối với công tác giáo dục ý thức pháp luật không chỉ dành cho các doanh nghiệp trong nước mà cho cả các nhà đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam nhằm giúp doanh nghiệp, chủ đầu tư có thêm những kiến thức mới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, học hỏi về nghệ thuật đàm phán và xác lập thỏa thuận trọng tài.

3.3.2. Đối với các trọng tài viên và trung tâm trọng tài

- Đối với trọng tài viên cần nâng cao hơn nữa trình độ, năng lực hoạt động. Tăng cường tập huấn, đào tạo thêm kỹ năng giải quyết tranh chấp, kỹ năng nghiệp vụ về tố tụng trọng tài. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, chú trọng hơn là trình độ ngoại ngữ, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ trọng tài viên;

- Đối với Trung tâm trọng tài cần phải nâng cao tính chuyên nghiệp, xây dựng, lập danh sách đội ngũ trọng tài viên có chất lượng, uy tín, chuyên nghiệp, có trình độ ngoại ngữ phù hợp đáp ứng yêu cầu giải quyết tranh chấp trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho các trọng tài viên.

Bên cạnh đó, Trung tâm trọng tài nên tăng cường cơ chế hợp tác giữa

các Trung tâm trọng tài thương mại với các tổ chức trọng tài quốc tế để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm. Đồng thời, các Trung tâm trọng tài cần thường xuyên giới thiệu, quảng cáo hình ảnh về hoạt động của trọng tài Việt Nam trên khắp cả nước và quốc tế. Ngoài ra, các Trung tâm trọng tài cần tích cực phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác như cơ quan Tòa án, cơ quan thi hành nhằm hỗ trợ và đảm bảo phán quyết của mình được thi hành đúng quy định của pháp luật.

3.3.3. Các cơ quan tổ tụng và các cơ quan nhà nước khác

- Cần hoàn thiện một số quy định pháp luật về trọng tài, xem xét sửa đổi bổ sung những văn bản hướng dẫn Luật trọng tài thương mại rõ ràng, cụ thể chính xác để có biện pháp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong hiện tại và tương lai trong việc áp dụng pháp luật về thỏa thuận trọng tài nói chung và những điều kiện để thỏa thuận trọng tài có hiệu lực nói riêng.

- Cần xây dựng những quy định cụ thể để tạo điều kiện cho việc phối hợp chặt chẽ và có sự hỗ trợ của cơ quan nhà nước, các cơ quan tư pháp như tòa án, cơ quan thi hành án trong hoạt động của trọng tài. Bên cạnh đó, cần có tòa chuyên trách với đội ngũ thẩm phán chuyên sâu về lĩnh vực trọng tài và thường xuyên tổ chức các hội thảo liên ngành giữa Bộ tư pháp, Tòa án, Cơ quan thi hành án dân sự, các trung tâm trọng tài về thực tiễn thi hành LTTTM, thường xuyên phổ biến và nâng cao kiến thức cho thẩm phán là điều cần thiết. Đồng thời, cần thể hiện sự tôn trọng tính độc lập của tổ chức trọng tài, xây dựng chính sách rõ ràng khuyến khích sự phát triển của trọng tài, tạo sự đồng bộ nhất quán trong mọi hoạt động của trọng tài cùng với các cơ quan tổ tụng.

3.3.4. Những điểm cần lưu ý khi tham gia ký kết, soạn thảo thỏa thuận trọng tài

Trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thì thỏa thuận trọng tài rất quan trọng, vì vậy để thỏa thuận trọng có hiệu lực cần bảo đảm nội dung cũng

như hình thức theo đúng quy định pháp luật. Do đó, để thỏa thuận trọng tài có hiệu lực thì khi các bên tham gia ký kết, soạn thảo thỏa thuận trọng tài nên lưu ý những điểm sau:

- Thỏa thuận trọng tài cần đơn giản, chính xác

Để thỏa thuận trọng tài đạt được tính khả thi và hiệu quả trong quá trình áp dụng thực tế thì việc soạn thảo điều khoản trọng tài cũng là nghệ thuật. Do đó, người soạn thảo tránh dài dòng mà cần đơn giản vấn đề nhưng phải đầy đủ, rõ ràng, chính xác tránh sự mập mờ khi đề cập đến nội dung thỏa thuận trọng tài mà cụ thể là những điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Mặt khác, điều khoản thỏa thuận trọng tài nên nêu cụ thể về vấn đề vi phạm, chấm dứt hợp đồng trong thỏa thuận trọng tài.

- Lựa chọn hình thức trọng tài phù hợp

Cần xem xét dựa vào năng lực kinh tế của doanh nghiệp để có thể chọn lựa một hình thức trọng tài sao cho phù hợp với yêu cầu và đúng với bản chất vụ việc tranh chấp phát sinh trong quá trình kinh doanh, do đó các bên nên cân nhắc, tìm hiểu kỹ những quy định, quy chế của từng loại hình thức trọng tài để áp dụng cho có hiệu quả cao. Cụ thể, đối với vụ tranh chấp phức tạp, giá trị hợp đồng lớn nên chọn trọng tài quy chế còn những tranh chấp phát sinh đơn giản, giá trị hợp đồng nhỏ, cần tiết kiệm chi phí nhưng muốn giải quyết nhanh chóng thì việc chọn trọng tài vụ việc là hoàn toàn phù hợp nhất.

- Lựa chọn địa điểm tiến hành trọng tài

Khi phát sinh tranh chấp thì phần lớn các bên tham gia hợp đồng đều muốn vụ việc được giải quyết tại đất nước nơi mình đặt trụ sở hoạt động vì nơi đó là nơi mà hầu như các bên hiểu rõ những quy định pháp luật của nước mình và cũng như tránh tốn kém chi phí cho việc di chuyển đến nơi giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, để đạt vấn đề này còn tùy thuộc vào nghệ thuật khả năng đàm phán, thỏa thuận của các bên.

Trường hợp các bên phải lựa chọn địa điểm trọng tài tại quốc gia khác mà không phải chính quốc gia mình thì điều quan trọng để các bên yên tâm, tin tưởng khi chọn địa điểm tiến hành trọng tài là nên chọn những quốc gia đã thông qua Luật Mẫu UNCITRAL. Bên cạnh đó, cần lưu ý việc xác định nơi tiến hành trọng tài có khả năng thi hành quyết định trọng tài hay không. Theo tinh thần của Công ước NewYork năm 1958 về công nhận và thi hành các quyết định trọng tài nước ngoài và Công ước Liên Mỹ 1976 thì phán quyết của trọng tài đạt được sự công nhận quốc tế rộng rãi thông qua các công ước quốc tế [4], [5], nó có nghĩa nếu quốc gia đó là thành viên của Công ước NewYork năm 1958 về công nhận và thi hành các quyết định trọng tài nước ngoài thì quyết định trọng tài sẽ được bảo đảm công nhận và thi hành tại một quốc gia thành viên khác của Công ước. Nếu quốc gia được chọn làm địa điểm trọng tài không phải là thành viên của Công ước này thì sẽ gặp khó khăn cho việc thi hành quyết định trọng tài sau này.

- Sử dụng ngôn ngữ trọng tài

Đây cũng là vấn đề vướng mắc khi giải quyết tranh chấp phát sinh cần tháo gỡ nhất là trong thương mại quốc tế vì các bên thường sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau để soạn thảo văn bản. Thực tế bản hợp đồng cùng nội dung khi soạn thảo thường dùng hai ngôn ngữ khác nhau đó là ngôn ngữ của các bên. Nếu xảy ra tranh chấp thì liệu các bên có thể cùng nhau thỏa thuận về ngôn ngữ chung để giải quyết không, điều này thực tiễn cho thấy hoàn toàn không có thể bởi sử dụng ngôn ngữ của mình là lợi thế trong việc diễn đạt, trình bày, phản biện ... các quan điểm, ý kiến của mình. Do đó, thiết nghĩ cần nên quy định cụ thể trong điều khoản thỏa thuận trọng tài ngôn ngữ được sử dụng trong quá trình xét xử trọng tài.

Thông thường các bên đều mong muốn sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hằng ngày của chính nước mình để tham gia ký kết, soạn thảo thỏa thuận

trọng tài cho thuận lợi. Nhưng với trường hợp trên, nhằm tôn trọng quyền tự do của các bên khi chọn ngôn ngữ trọng tài thì theo thông lệ chung là ngôn ngữ dùng trong xét xử trọng tài là ngôn ngữ dùng trong quá trình đàm phán và soạn thảo hợp đồng.

- Lựa chọn luật áp dụng cho nội dung vụ tranh chấp

Khi tham gia ký kết, soạn thảo hợp đồng hay thực hiện hợp đồng các bên cần biết và chú trọng đến luật áp dụng vì tất cả nội dung quyền và nghĩa vụ của các bên không phải lúc nào cũng ghi nhận đầy đủ trong các điều khoản hợp đồng. Và điều tốt nhất là các bên quyết định chọn trước luật áp dụng cho hợp đồng vì khi thực hiện hợp đồng sẽ mang tính chủ động.

Hơn nữa, luật áp dụng hoàn toàn do các bên tự do lựa chọn không bị áp đặt. Các bên có thể chọn lựa Luật áp dụng của quốc gia của một bên hay là luật của một nước thứ ba trung lập. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tranh chấp khi các bên không có thỏa thuận về luật áp dụng thì Hội đồng trọng tài sẽ quyết định luật phù hợp với quan hệ hợp đồng. Đồng thời, luật áp dụng phải phù hợp cho nội dung vụ tranh chấp, phải là luật được sử dụng rộng rãi, phổ biến, dễ hiểu, dễ tiếp cận trong kinh doanh thương mại quốc tế. Mọi rủi ro sẽ dẫn đến hậu quả không thể lường trước được nếu các bên không cân nhắc, thận trọng khi tham gia ký kết, soạn thảo thỏa thuận trọng tài.

- Sử dụng các điều khoản của trọng tài mẫu

Hiện nay, các tổ chức trung tâm trọng tài quốc tế đều đưa ra những điều khoản của trọng tài mẫu cho các bên xem xét, lựa chọn chứ không mang tính bắt buộc. Điều này rất có lợi cho các bên tham gia vì đã là điều khoản mẫu thì chắc chắn sẽ đầy đủ, rõ ràng, chặt chẽ, và khi tranh chấp xảy ra sẽ được giải quyết nhanh chóng và hiệu quả cao. Vì thế, để tránh mất thời gian thỏa thuận của các bên cũng như bảo đảm hiệu lực của thỏa thuận trọng tài thiết nghĩ nên sử dụng các điều khoản của trọng tài mẫu.

Ví dụ: Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) đưa ra điều khoản trọng tài mẫu để các bên tham khảo như sau: *Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.*

Đối với trường hợp các bên lựa chọn trọng tài vụ việc, có thể tham khảo điều khoản trọng tài dưới đây:

Tất cả các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan tới hợp đồng này cũng như các thỏa thuận khác đã được ký kết hoặc sẽ được ký kết liên quan tới hợp đồng này được giải quyết chung thẩm bởi một trọng tài viên duy nhất theo quy tắc tổ tụng của ... Trọng tài diễn ra [địa điểm], [nước]. Ngôn ngữ trọng tài là ...

Kết luận chương 3

Luật trọng tài thương mại năm 2010 ban hành đã đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế trong nước và hòa nhập quốc tế, bên cạnh cơ chế pháp luật về trọng tài thương mại cũng đã khá hoàn thiện trong đó thể hiện rõ là thỏa thuận trọng tài đặc biệt khi đề cập đến hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Tuy nhiên, qua phân tích từ thực tiễn áp dụng pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài cho thấy vẫn còn những hạn chế bởi các quy định chưa đồng nhất, chưa cụ thể còn mang tính mơ hồ.

Vì thế, trong chương 3 tác giả luận văn đã đề xuất một số giải pháp như sửa đổi, bổ sung cho các điều khoản về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật cũng như để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài với mục đích bảo đảm cho thỏa thuận trọng tài có hiệu lực, có như thế thì các doanh nghiệp nhất là các nhà đầu tư nước ngoài mới an tâm, tin tưởng khi tham gia vào các hoạt động kinh doanh thương mại ở Việt Nam cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chính

mình và qua đó đề phòng, tránh những rủi ro đáng tiếc làm thỏa thuận trọng tài bị hủy vì không đủ điều kiện để thỏa thuận trọng tài có hiệu lực .

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng của nền kinh tế quốc tế sự gia tăng về các giao dịch, hoạt động thương mại ngày càng nhiều thì bên cạnh đó các tranh chấp thương mại nảy sinh từ hoạt động thương mại quốc tế cũng xuất hiện nhiều hơn cùng với sự tham gia đa dạng của chủ thể và phức tạp về nội dung tranh chấp. Dù cho các tranh chấp này có quy mô hiện đại như thế nào, song các bên tranh chấp vẫn phải lựa chọn phương thức giải quyết sao cho đạt hiệu quả cao, nhanh chóng, giúp tiết kiệm công sức, thời gian, tiền bạc. Và phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là phương thức thường được các bên lựa chọn nhất. Tuy nhiên, để sử dụng phương thức này thì các bên cần phải có sự thỏa thuận trọng tài dựa trên ý chí tự nguyện của chính bản thân mình mà không bị ép buộc, bị đe dọa. Do đó, không phải bất kỳ thỏa thuận trọng tài nào cũng dẫn đến việc giải quyết bằng trọng tài, mà chỉ khi các bên có sự tự nguyện thỏa thuận trọng tài và thỏa thuận này phải đúng với các điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài theo pháp luật quy định thì trọng tài mới có thẩm quyền giải quyết.

Như vậy, hiệu lực của thỏa thuận trọng tài đóng vai trò vô cùng quan trọng, nó là cốt lõi chủ yếu trong việc giải quyết tranh chấp bằng con đường trọng tài. Luật trọng tài thương mại năm 2010 ra đời trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn áp dụng Pháp lệnh trọng tài thương mại 2003 đã có những qui định rõ ràng, chi tiết về điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài cụ thể như năng lực hành vi của người tham gia ký kết thỏa thuận trọng tài, thẩm quyền ký kết thỏa thuận trọng tài, sự tự do ý chí của các bên trong thỏa thuận trọng tài, tính độc lập của thỏa thuận trọng tài, hình thức lẫn nội dung của thỏa thuận trọng tài ...

Trong khuôn khổ phạm vi ba chương này, tác giả luận văn đã sử dụng

các phương pháp so sánh, đối chiếu, liệt kê ... để làm rõ và để phân tích rõ những vấn đề lý thuyết, phân tích những quy định của các văn bản pháp luật về điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài từ Pháp lệnh trọng tài 2003 đến Luật trọng tài thương mại năm 2010. Những quy định mới, những quy định bổ sung của Luật trọng tài thương mại Việt Nam 2010 cùng với những vụ việc tranh chấp cụ thể mà tác giả đã nêu trong luận văn là bằng chứng đánh dấu thêm một bước tiến trong quá trình hoàn thiện khung pháp luật về trọng tài thương mại, trong đó nổi bật là những điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài và qua đó cũng đã làm rõ nét nhất về hình ảnh các doanh nghiệp Việt Nam luôn ở mọi tư thế sẵn sàng chấp nhận tham gia và tham gia nhiều hơn nữa trong đấu trường kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, với hơn 7 năm thực thi áp dụng pháp luật của Luật trọng tài thương mại năm 2010 nói chung, trong đó cụ thể nhất là về điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài nói riêng đã bộc lộ những khiếm khuyết cả trong quy định cũng như trong thực tiễn thi hành như những quy định chưa phù hợp với thực tế hoạt động thương mại, những khái niệm về quy định thế nào là thỏa thuận trọng tài không thực hiện được, những vi phạm điều cấm của pháp luật là gì ... chưa làm sáng tỏ.

Bởi lẽ trên, tác giả luận văn đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện về các quy định pháp luật và bên cạnh đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài với mục đích bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các chủ thể khi tham gia kinh doanh, thêm vào đó là góp phần giúp các cơ quan nhà nước hoàn thiện hơn nữa các chế định pháp luật về vấn đề hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, tạo hành lang pháp lý vững chắc, an toàn cho việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, giúp cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước thêm niềm tin vào pháp luật Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng An (2010), *Nền tảng của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài*, Tạp chí dân chủ và pháp luật (số chuyên đề Pháp luật về Trọng tài thương mại), tr. 35-46.
2. Albert Jan Van Den Berg (chủ biên) (2010), *Trọng tài quốc tế và Tòa án: câu chuyện không hồi kết*, Nxb lao động, Hà Nội.
3. Nông Quốc Bình (2013), *Về điều khoản thỏa thuận trọng tài trong hợp đồng thương mại quốc tế*, Tạp chí luật học (số 7), tr. 3-10.
4. Công ước New York 1958 (2010), *Về công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (số chuyên đề Pháp luật về trọng tài thương mại), tr. 194-197.
5. Chính phủ (2004), *Nghị định 25/2004/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều pháp lệnh trọng tài thương mại 2003*.
6. Ngô Huy Cương (2012), *Giáo trình Luật thương mại*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
7. Đỗ Văn Đại (2010), *Tuyển tập các bản án về trọng tài*, Nxb Lao động, Hà Nội.
8. Đỗ Văn Đại (2010), *Hiệu lực về thời gian của Luật trọng tài thương mại Việt Nam*, Tạp chí dân chủ và pháp luật (số chuyên đề Pháp luật về trọng tài thương mại), tr. 76-82.
9. Đỗ Văn Đại, Trần Hoàng Hải (2011), *Pháp luật Việt Nam về Trọng tài Thương mại*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
10. Hội đồng thẩm phán (2003), *Nghị quyết 05/2003/HĐTP-TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định Pháp lệnh trọng tài thương mại*.
11. Hội đồng thẩm phán (2014), *Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành một số quy định Luật trọng tài thương mại*.

12. Hội luật gia Việt Nam (2009), *Giới thiệu tóm tắt luật trọng tài của một số nước trên thế giới*.
13. Trần Hữu Huỳnh (2000), *Một số vấn đề cơ bản về thỏa thuận trọng tài trong thương mại quốc tế*, Tạp chí Luật học (số 1), tr. 18-25.
14. Nguyễn Ngọc Lâm (2007), *Một số chế định cơ bản, tổ tụng tòa án và trọng tài*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
15. Đặng Thị Bích Liễu (1998), *Giải quyết tranh chấp kinh tế bằng con đường trọng tài*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Luật Mẫu 1985 (2010), *Về Luật thương mại quốc tế*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số chuyên đề Pháp luật về trọng tài thương mại), tr. 183-191.
17. Nguyễn Thị Minh (2010), *Thực trạng về tổ chức và hoạt động trọng tài ở Việt Nam và định hướng phát triển*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số chuyên đề Pháp luật về Trọng tài thương mại), tr. 83-89.
18. Nxb Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình về Luật kinh tế*.
19. Nxb Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam VIAC Hà Nội (2003), *Trọng tài và các phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn*.
20. Quốc hội (1997), *Luật thương mại năm 1997*, Nxb Lao động, Hà Nội.
21. Quốc hội (2005), *Luật thương mại năm 2005*, Nxb Lao động, Hà Nội.
22. Quốc hội (2010), *Luật trọng tài thương mại năm 2010*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
23. Quốc hội (2015), *Bộ luật dân sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

24. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

25. Nguyễn Đình Thơ (2006), *Một số vấn đề về thỏa thuận trọng tài thương mại*, Tạp chí tòa án nhân dân, (số 20), tr.16.

26. Nguyễn Đình Thơ (2006), *Một số vấn đề về thỏa thuận trọng tài thương mại*, Tạp chí tòa án nhân dân, (số 10), tr. 20.

27. Nguyễn Hợp Toàn (2012), *Giáo trình pháp luật kinh tế*, Nxb Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

28. Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam VIAC và Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI (2010), *Các quyết định trọng tài quốc tế chọn lọc*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

Ủy ban thường vụ Quốc hội (2003), *Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003*.